

---

---

CHỈ TÂM YẾU CHO NGƯỜI TU THIÊN

---

GIẢNG GIẢI

---

---



## LỜI ĐẦU SÁCH

**C**hỉ Tâm Yếu Cho Người Tu Thiền do thiền sư Thanh Viễn hiệu Phật Nhân dạy. Theo sử thiền sư Trung Hoa, dòng Lâm Tế chia làm hai nhánh Dương Kỳ và Hoàng Long. Dưới ngài Hoàng Long và Dương Kỳ có nhiều đệ tử nổi tiếng. Vào cuối đời Đường sang đời Tống, cả hai chi nhánh đều rất thịnh hành. Phật Nhân là thiền sư thuộc đời Tống.

Dưới ngài Dương Kỳ có Bạch Vân Thủ Đoan. Dưới Thủ Đoan có Pháp Nhân ở Ngũ Tổ còn gọi là Ngũ Tổ Diễn. Dưới Ngũ Tổ Diễn có ba vị: Phật Giám, Phật Quả tức ngài Viên Ngộ và Phật Nhân. Như vậy ngài Phật Nhân là đệ tử của tổ Pháp Diễn thuộc phái Lâm Tế, chi nhánh Dương Kỳ. Ba vị Phật này rất đặc biệt, có ảnh hưởng sâu đậm đến thiền tông đời Tống.

Thiền sư Phật Nhân muốn chỉ thẳng tâm yếu cho người tu thiền. Hành giả nhận được bản tâm, thấy được

bản tánh mới gọi là người vào cửa, có thể tiến trên con đường tu hành, không còn nghi ngờ gì cả. Người tu thiền nếu không ngộ bản tâm, không thấy bản tánh thì đường tu còn xa, chưa được vào cửa. Do đó bất cứ người tu thiền nào cũng phải nhận được tâm yếu của chính mình. Đây là điều kiện then chốt để vào cửa thiền, cũng là điều tối thượng ngài Phật Nhãn mong mỗi nơi chúng ta.

Kính ghi

**THÍCH THANH TỬ**

## CHỈ TÂM YẾU CHO NGƯỜI TU THIÊN GIẢNG GIẢI

**K**hông nên ở trong chỗ rỗng không, không bờ mé mà lập phần hạn. Nếu lập phần hạn tức là cái rỗng không, không bờ mé bèn bị rơi kẹt. Vì thế người hiểu không, chẳng có tướng không. Nếu dùng ngôn ngữ diễn tả tâm, trọn chẳng được tâm, chẳng dùng ngôn ngữ diễn tả tâm cũng chẳng được tâm. Vì ngôn ngữ vốn là tâm nên diễn tả nó vẫn không được. Không ngôn ngữ cũng vốn là tâm nên diễn tả nó vẫn không được. Các thứ hội đến đều không khế hợp với tự tâm. Thượng Tổ bảo “thâm khế hội mà thôi”, nếu như nơi đây mà chưa đạt đạo thì chỉ không vọng niệm là được.

*Không nên ở trong chỗ rỗng không, không bờ mé mà lập phần hạn. Chỗ rỗng không, không bờ mé là chỗ nào?*

Ở đây chỉ thẳng tâm yếu tức tâm thể của mỗi chúng ta. Tâm thể đó không tướng mạo, không hình trạng nên không có phần hạn. Bởi không phần hạn nên nó rộng không. Tuy rộng không mà chẳng phải không, đó mới là điều khó khăn cho hành giả.

Khi ta quay lại tìm tâm là đã kẹt rồi. Ngài A-nan, đệ tử gần gũi với đức Phật cũng bị kẹt chỗ này. Tôn giả hỏi Phật: “Nếu nó là tâm của con, tại sao con không thấy?” Nó là tâm mình thì ta phải thấy, phải nhận được. Nếu không thấy, không nhận thì làm sao nói của mình? Nhưng nếu thấy tâm thì tâm đó không phải của mình. Tại sao? Như con mắt của tôi thấy trước mặt nào là đồng hồ, chai dầu, ly nước và tất cả mọi người ngồi đây v.v... Những thứ thấy được chỉ là bên ngoài, còn con mắt hay thấy, ta không thể thấy nó. Cũng vậy, tâm là mình, mình không thể thấy mình mà hay thấy biết tất cả mọi thứ.

Khi nghĩ chuyện này chuyện nọ, đó là vọng tưởng, là bóng dáng của sáu trần rơi lại trong tàng thức. Lâu nay chúng ta cứ lầm tưởng nó là tâm mình nên thấy có giới hạn, phần lượng. Khi nghe Phật nói tâm không bờ mé, rộng không thì chẳng hiểu nổi. Như chúng ta suy nghĩ về người nào thì hình ảnh người đó hiện ra, tâm duyên theo hình ảnh ấy nên bị giới hạn, tức có chừng hạn. Suy nghĩ về quả núi thì tâm duyên theo quả núi, suy nghĩ về biển cả thì tâm duyên theo biển cả... tất cả đều có chừng hạn. Cái tâm biết mà không suy nghĩ thì không có chừng hạn, vì nó không duyên tướng nào hết,

nên ta không thể thấy nó. Vì vậy nói rộng không, không bờ mé.

Đối với người tu thiền, khi được hỏi “tâm ở chỗ nào” có nên trả lời không? Hỏi chỗ nào tức có nơi chốn, mà có nơi chốn là có hình tướng, trong khi tâm đầy khắp, không có hình tướng cụ thể. Đặt câu hỏi nơi chốn làm sao trả lời được, trả lời tức không đúng. Thiền sư hay gài bẫy học nhân chỗ này. Như hỏi gió ở chỗ nào, ở lá cây chẳng? Dù chỉ gió ở đâu cũng là một sự hiển thị nhỏ của nó mà thôi, không phải toàn thể gió. Nếu chỉ thì không bao giờ đúng, vì chỉ chỗ này thì chỗ kia là gì? Cái không có tướng mạo, không bị khu biệt mà đặt thành tướng mạo, khu biệt là sai lầm.

Hiểu được tâm thể rộng rang không bờ mé thì không còn kẹt trong những câu hỏi như: Nó ở chỗ nào, ra sao, tướng mạo thế nào v.v... Nghe đặt câu hỏi như vậy là biết người không hiểu, nếu mình đáp thì cũng không hiểu luôn. Thành ra người mù hỏi người mù đáp, cả hai đều không thấy gì hết.

Vào đời Đường có Đại Nhĩ Tam Tạng người Ấn Độ sang Trung Hoa tự xưng chứng được tuệ nhãn và tha tâm thông. Vua mời vào và thỉnh quốc sư Huệ Trung xét nghiệm. Quốc sư hỏi:

- Ông được tha tâm thông chẳng?

Tam Tạng đáp:

- Chẳng dám.

Quốc sư hỏi tiếp:

- Ông nói xem, hiện giờ lão tăng đang ở chỗ nào?

- Hòa thượng là thầy một nước, sao lại đến Tây Xuyên xem dò đũa?

Quốc sư lặng thinh giây lâu hỏi tiếp:

- Ông nói xem, hiện giờ lão tăng đang ở chỗ nào?

- Hòa thượng là thầy một nước, sao lại đứng trên cầu Thiên Tân xem khỉ giỡn?

Lần thứ ba Quốc sư cũng hỏi như hai lần trước. Tam Tạng lặng câm giây lâu không đáp được. Quốc sư nạt:

- Hồ tinh! Tha tâm thông ở chỗ nào?

Ngài Tam Tạng lặng lẽ rút lui.

Hai lần đầu Tam Tạng nói trúng tâm ngài Huệ Trung nhưng lần cuối lại không biết. Khi còn vọng tưởng, người có tha tâm thông sẽ nhìn thấy tâm mình. Thí dụ tôi ngồi đây mà tưởng đang đứng ngoài bãi biển. Vị có tha tâm thông liền thấy được tâm tôi ở ngoài biển. Nhưng bây giờ tâm tôi không động, không dấy niệm thì đâu ai thấy được. Đó là tâm thể rỗng rang không tướng mạo nên không có phần hạn, không chỗ nơi, làm sao thấy.

Tổ chỉ thẳng tâm yếu, mà tâm yếu là tâm chân thật. Hiểu như thế mới rõ câu *không nên ở trong chỗ rỗng không, không bờ mé mà lập bất cứ phần hạn nào*. Nếu lập phần hạn, tức cái rỗng không, không bờ mé bị kẹt trong phần hạn, điều này không đúng. Người hiểu Không tức hiểu được tâm thể rỗng rang sáng suốt của mình, chứ không tưởng về Không. Đa số người học đạo

thường hiểu lầm chỗ này, trở lại trách người tu thiền nói cái gì cũng không. Khi tôi đặt tên Chơn Không cho Tu viện rồi giảng kinh Bát-nhã, nhiều người bảo tôi nói cái gì cũng không. Thật sự người hiểu Không thì chẳng tưởng không.

Như gió không có tướng mạo nhưng nó trùm khắp. Hỏi nó giống cây tùng không? Dĩ nhiên không thể giống. Vậy giống cây sứ, cái nhà, quả núi không...? Tất cả đều không. Như thế kết luận không có gió được không? Thực tế gió ở trước mắt và bao trùm chúng ta, nhưng chỉ không được, đặt phần hạn không được. Tuy nhiên không vì thế mà nói không có gió. Tương tự, tâm thể trùm khắp mà ta không thấy được tướng mạo, chỉ nhận ra diệu dụng của nó. Tướng của tâm thể là tướng Không nên không thể thấy. Nếu có thấy cũng chỉ là sự kiện, hình thức, hiện tướng bên ngoài chứ không phải tâm thể.

Trở lại thí dụ con mắt. Mắt không thể thấy chính nó, nhưng có thể thấy sự vật bên ngoài. Chúng ta không thể thấy tánh thấy của mình nhưng biết mình có tánh thấy. Nếu tôi thấy được tất cả mọi người và đồ vật chung quanh, là tôi thâm nhận ngay nơi mình có mắt sáng. Trái lại, nếu tôi không thấy tất cả, tức là tôi không có mắt sáng. Như vậy, khi thấy được tất cả sự vật thì nhận ra mình có mắt sáng, chứ không phải thấy con mắt sáng của mình.

Tâm ta có những diệu dụng của nó nên mới biết người, biết cảnh v.v... Mỗi người nhận biết ngay nơi mình có tâm thể rỗng rang, chứ không phải thấy được

tâm thể. Vì vậy nói *thâm khế hội mà thôi* tức là thâm nhận chứ không chỉ ra được. Người biết rõ tâm thể rộng rang không có tướng mạo, giống như biết gió trùm khắp không có tướng mạo thì không bao giờ nói không, nên nói chẳng có tướng không.

*Nếu dùng ngôn ngữ diễn tả tâm, trọn chẳng được tâm, chẳng dùng ngôn ngữ diễn tả tâm cũng chẳng được tâm. Vì ngôn ngữ vốn là tâm nên diễn tả nó vẫn không được. Không ngôn ngữ cũng vốn là tâm nên diễn tả nó vẫn không được.*

Chỗ này khó hiểu làm sao! Dùng ngôn ngữ diễn tả tâm trọn chẳng được tâm, vậy diễn tả bằng cách nào? Thường người ta diễn tả theo đối đãi, như hỏi tâm thể nào, đáp tâm lớn như núi như biển... Tất cả đều có tướng mạo, mà tâm thể thì không tướng mạo. Dùng ngôn ngữ để diễn tả tâm thì càng diễn tả càng không trúng. Nên nói dùng ngôn ngữ diễn tả tâm, trọn chẳng được tâm. Chẳng dùng ngôn ngữ diễn tả tâm cũng chẳng được tâm, nghĩa là làm tinh hoại cũng không diễn tả được tâm. Cả hai, dù nín dù nói đều không phải tâm thể. Vì thế đừng nghĩ nói là thấy tâm, nín không thấy tâm. Hoặc nín thấy tâm, nói không thấy tâm.

Bởi tâm bao trùm tất cả nên nói ngôn ngữ vốn là tâm. Tâm không thể diễn tả tâm, nên ngôn ngữ cũng chẳng thể diễn tả tâm. Lại nữa, không ngôn ngữ cũng vốn là tâm, vì tâm vốn tự lặng nên không có ngôn ngữ. Như vậy dù nín dù nói cũng là tâm, mà tâm thì không diễn tả được tâm.

Chỗ này rất khó nói. Vì tâm phát ra ngôn ngữ nên im lặng hay nói năng gì, gốc cũng từ tâm. Như mặt biển, lúc có sóng hay không sóng cũng vẫn là biển. Không thể nói có sóng thì không phải biển, hoặc không sóng thì không phải biển. Sóng và không sóng đều là biển. Có không, không thể diễn tả được chỗ trùm khắp ấy.

*Các thứ hội đến đều không khế hợp với tự tâm.* Những gì chúng ta hiểu đều không khế hợp với tâm. Tại sao? Như trước đã nói, cái gì mình thấy đều không phải cái thấy của mình. Vì khi thấy là thấy những thứ bên ngoài. Chỗ này trong kinh Lăng-nghiêm, đức Phật đã giải thích cho ngài A-nan, cái thấy của mình, mình không thể thấy được nó. Vì thấy được thì nó thành ra vật ở bên ngoài rồi, chứ đâu phải cái thấy của mình. Cũng như cái hiểu, nếu nói “tôi hiểu tâm rồi” thì cái hiểu đó không phải là tâm. Bởi vậy khi một thiền khách đến hỏi đạo với thiền sư:

- Thế nào là đạo?

Im lặng giây lâu, Thiền sư hỏi lại:

- Ông hội không?

- Dạ, không hội.

- Không hội là tốt.

Không hiểu là tốt, bởi vì chính cái không hiểu đó mới nhận được tâm. Nếu hiểu là hiểu cái gì rồi chứ không phải hiểu tâm. Nói hiểu cái này, hiểu cái kia v.v... thì cái bị hiểu ở bên ngoài mình, cái hay hiểu mới chính

là mình. Song cái hay hiểu đó hiểu cái khác chứ không phải nó. Nếu nói hiểu tâm thì tâm thành ra cái bị hiểu. Cũng như cái thấy thấy được vật khác, chứ không phải thấy được cái thấy. Đây là chỗ chỉ tâm yếu.

Tâm yếu không có hình tướng, chính nó mới thật là mình. Những thứ lâu nay người ta quen chạy theo, cho rằng tôi hiểu thế này thế kia v.v... là những cái bị hiểu, không phải mình. Rõ ràng như vậy. Người nào cho rằng mình hiểu được tâm, tức không hiểu gì hết, vì tâm là cái không thể hiểu. Không thể hiểu mà hiểu, nghe thật mâu thuẫn.

Đây giải thích thêm, tôi không thể hiểu được tâm của tôi, nhưng tôi nhận ra mình có tâm, tức là thâm khế. Nên nói các thứ hiểu đều không khế hợp với tự tâm. *Thượng Tổ bảo thâm khế hội mà thôi*, nghĩa là chỉ thâm nhận chứ không thấy được, không hiểu được nó. Nó là chỉ cho tâm thể. Chữ nó là đại danh từ, không xác định, không chỉ đích thực tên nào. Sở dĩ các kinh đặt tên cho nó cũng là gượng đặt, gượng kêu vậy thôi. Thí dụ kinh Lăng-nghiêm gọi là chân tâm, kinh Pháp Hoa gọi là tri kiến Phật, kinh Hoa Nghiêm gọi là pháp giới tánh, Duy thức gọi là Như Lai tạng, Thiền tông gọi là bản lai diện mục v.v... Vì thế trong sách thiền thường nói “không hiểu là tốt” hoặc “cứ giữ cái không hiểu đó”.

*Nếu như nơi đây mà chưa đạt đạo thì chỉ không vọng niệm là được.* Đến đây thiền sư Thanh Viễn an ủi chúng ta, nếu ngay chỗ này mà chưa nhận được, nghĩa là

chưa nhận ra bản tâm rỗng không, không bờ mé thì việc đầu tiên có thể làm được là chỉ không vọng niệm. Như thế cũng tốt lắm rồi. Đó là giai đoạn đầu.

**Nếu người biết là vọng niệm, tác ý dừng nó là vì thấy có vọng niệm. Người biết có vọng niệm, tác ý liền quán sát khiến thấy chánh lý, cũng thấy có vọng niệm. Biết vọng nguyên là đạo mới không vọng. Cho nên người đạt đạo không sở đắc. Phát chí cầu đạo, đạo ắt được đó, chỉ không cầu gì khác, biết không mê vọng gọi đó là thấy đạo.**

Đây là chỉ thẳng tâm yếu hay chỉ thẳng đạo.

*Nếu người biết là vọng niệm, tác ý dừng nó là vì thấy có vọng niệm.* Thí dụ chúng ta đang ngồi thiền mà suy nghĩ này kia, biết nó là vọng niệm nên tác ý dừng. Tác ý như vậy tức là có niệm.

*Người biết có vọng niệm, tác ý liền quán sát khiến thấy chánh lý, cũng thấy có vọng niệm.* Đang ngồi mà vọng niệm dấy lên liền biết, sau đó quán sát, tìm coi vọng này từ đâu ra hay vọng này không thật v.v... Đây là lấy chánh lý để quán sát khiến cho vọng niệm lặng, cũng thuộc vọng niệm.

*Biết vọng nguyên là đạo mới không vọng.* Chỗ này thật là trực chỉ. Tại sao? Hầu hết chúng ta khi tu đều thấy vọng là vọng, vọng khác với đạo. Ở đây thiền sư Thanh Viễn dạy “vọng tức là đạo”. Lâu nay chúng ta quen sống trong đối đãi nên lập chân lập vọng, bên này là vọng bên kia là chân. Do thấy có vọng liền biết

có chân, thành ra chân vọng đối đãi. Sự thật nó không phải hai. Như khi nhìn ra biển thấy sóng nổi dậy, tôi nói đây là sóng, có người hỏi vậy cái nào là nước? Sóng nổi âm âm, muốn tìm nước phải tìm ở đâu? Nếu cho sóng ngoài nước, chắc tìm suốt đời cũng không ra. Chỉ cần ngay nơi sóng biết nó là nước thì khỏi phải tìm đâu xa.

Vọng cũng vậy, nguyên vọng tức là chân. Khi chưa dậy niệm, lúc đó là chân hay vọng? Vọng dậy lên rồi lắng xuống, nếu dậy lên gọi là vọng, khi lắng xuống gọi là gì. Như vậy nguyên thể nó là chân hay vọng? Cũng như khi chưa nổi sóng là nước, nước dậy lên thành sóng cũng vẫn là nước. Thành ra chân vọng đâu có rời nhau, chỉ tại chúng ta đặt thành hai. Cho vọng khác chân, dẹp cái này tìm cái kia, rốt cuộc vọng vẫn hoàn vọng. Vì thấy vọng khác chân nên bỏ vọng tìm chân, dù tìm được chân thì cái chân ấy cũng ở bên ngoài. Đây là chỗ cần phải ghi nhớ kỹ.

Biết vọng tức chân, chữ tức ở đây nghĩa là không tách rời nhau. Cho nên vọng từ chân mà dậy, nếu vọng lắng xuống tức trở về chân, đâu có gì lạ. Như vậy ngoài chân không có vọng, ngoài vọng không có chân. Ngay nơi đó biết thể của vọng vốn chân thì vọng tự hết. Cho nên công phu của người tu thiền là “biết vọng không theo”. Không theo thì tự nhiên vọng lắng, vọng lắng tức là chân.

Đó chỉ là cách thức ứng dụng công phu cho những người mới tu, đến khi thuần thục rồi thì thấy chân vọng

đều không thật. Tại sao? Bởi vì thể của vọng là không, dấy lên rồi mất thì đâu có gì phải sợ. Biết thể của nó là chân, là không thì tự nhiên nó lặng, chẳng cần nhọc nhằn trừ sợ. Nếu dùng phương tiện quán sát để dừng vọng là còn thấy vọng thật. Thấy vọng thật thì thấy chân cũng thật. Đó là cái thấy đối đãi. Đối đãi là pháp sanh diệt chưa phải thật thể.

Chỗ này cần nói rõ thêm, để khi tu chúng ta bớt sợ. Biết vọng là gốc dẫn mình theo nghiệp nên nhiều người sợ nó. Ngồi tu mà vọng tưởng liên miên đâm hoảng. Bây giờ biết vọng không thật, vọng nguyên là chân thì có gì phải sợ. Một là không theo, hai là tự nó lặng xuống. Sở dĩ chúng ta chạy theo vì thấy nó có lý, thế này thế kia. Nhưng khi biết vọng tưởng là thể rỗng không, không thật thì tự nhiên trở về với đạo, trở về với chân.

Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy còn mê thì chạy theo niệm để tạo nghiệp, tỉnh rồi thì mỗi niệm đều giác, mỗi niệm đều là Phật, không có gì khác. Như vậy không cần tìm Phật tìm đạo ở đâu xa. Ngay trong vọng thấy được tâm, thấy được Phật. Nên nhớ mỗi vọng dấy lên biết thể là không thì tự nó chân, tự nó đạo, tự nó Phật, không có gì lạ.

*Cho nên người đạt đạo không sợ đắc. Vọng lặng xuống tức là chân thì còn cái gì mà được. Thấy được là thấy hai, bỏ cái này để được cái kia. Trái lại không thấy có hai thì chỗ nào nói được? Do đó kinh Kim Cang nói “vô sở đắc”, vừa có sở đắc tức không phải đạo. Đa số người học đạo hiện nay nghe người khác tu đều hỏi*

đắc cái gì chưa? Chữ đắc nghĩa là được. Người thật thấy đạo, hiểu đạo thì không bao giờ đáp câu hỏi đó. Người ta đã sai, mình lại trả lời theo cái sai của họ thì mình cũng sai luôn.

Do chúng ta thấy có cái này xấu cái kia tốt nên mới bỏ xấu cầu tốt. Bỏ cái xấu được cái tốt, đó gọi là được. Nếu thấy xấu tức là tốt thì không còn bỏ, không còn được. Nói được tức còn đối đãi, mất cái này được cái kia. Nếu không có hai thì chỗ nào nói được. Không thấy vọng niệm là thật, bởi vì vọng nguyên là chân. Ngay đó không thấy có được mất, tức là thấy thể chân thật.

*Phát ý câu đạo, đạo ắt được đó, chỉ không cầu gì khác, biết không mê vọng gọi đó là thấy đạo.* Nghĩa là không cầu được, không cầu cái gì khác, chỉ cần biết ngay nơi mình mê thì vọng có, tỉnh thì vọng không, không có mê vọng gọi là thấy đạo. Cho nên người thấy đạo là ngay nơi tâm mình khi đi đứng nằm ngồi nói nín như như, đừng cầu cái gì khác, cầu tức là bệnh. Cái biết không mong cầu, không mê vọng, đó gọi là đạo. Bởi không mê tức chẳng lầm, không vọng tức chẳng động, chẳng có vọng niệm dấy lên tức là người thấy đạo. Thấy đạo tức là thấy tâm yếu. Đó là chỗ thiền sư Thanh Viên chỉ thẳng cho chúng ta.

**Người thời nay nói thẳng tất cả đều là đạo. Cũng ví như kẻ ngồi bên mâm cơm, nói ăn mà bụng vẫn đói, vì chưa từng ăn. Người đạt đạo thì bật năng sở, chẳng còn riêng có huyền lý. Chỗ tâm thường nhật dụng như khi thấy sắc là lúc chứng, khi nghe**

**tiếng là lúc chứng, khi uống nước, ăn cháo là lúc chứng, mỗi mỗi đều bật năng sở.**

*Người thời nay nói thẳng tất cả đều là đạo, nhưng đã thấy đạo chưa? Ví như kẻ ngồi bên mâm cơm, nói ăn mà bụng vẫn đói, vì chưa từng ăn. Nghĩa là nghe trong kinh nói tất cả là đạo, rồi cũng bắt chước nói thảy đều là đạo. Coi như mình đã nhập đạo, nhưng sự thật giống như kẻ ngồi bên mâm cơm, miệng nói tôi ăn cái này, ăn cái kia mà chưa từng ăn và chưa được miếng cơm nào vào miệng. Nghe như đúng lắm nhưng rốt cuộc không dính dáng gì.*

*Người đạt đạo thì bật năng sở. Năng sở là cái hay biết và cái bị biết.*

*Chẳng còn riêng có huyền lý. Nghĩa là không còn thấy lý huyền diệu riêng, ngay nơi mình thấy đạo chứ không cần tìm kiếm bên ngoài. Vì vậy người đạt đạo không lý luận nhiều. Nếu cứ nói đạo hay thế này hay thế kia, rốt cuộc chỉ là cái hay bên ngoài, không phải cái hay thật của chính mình.*

Đạo ở ngay chỗ tâm thường nhật dụng của chúng ta chứ không đâu xa. Có câu chuyện thiền sư Đạo Ngộ và ngài Sùng Tín. Khi ngài Sùng Tín phát tâm tu, thiền sư Đạo Ngộ cho làm thị giả và nói sẽ chỉ tâm yếu. Ngài Sùng Tín hầu hạ ba năm mà không được nghe chỉ tâm yếu gì hết. Đợi mãi không chịu nổi, ngài bèn bạch:

- Từ ngày con vào đây đến giờ, chưa được Thầy chỉ dạy tâm yếu.

Thiền sư Đạo Ngộ bảo:

- Từ ngày người vào đây, ta chưa từng chẳng chỉ dạy người tâm yếu.

- Ngài chỉ dạy ở chỗ nào?

- Người dâng trà lên, ta vì người mà tiếp. Người bưng cơm đến, ta vì người mà nhận. Người xá lui ra thì ta gật đầu. Chỗ nào chẳng chỉ dạy tâm yếu?

Ngài Sùng Tín cúi đầu lặng thinh giây lâu. Thiền sư Đạo Ngộ bảo:

- Thấy thì thẳng đó liền thấy, suy nghĩ liền sai.

Ngay câu nói đó, ngài Sùng Tín khai ngộ. Lại hỏi thêm:

- Làm sao gìn giữ?

- Mặc tánh tiêu dao, tùy duyên phóng khoáng, chỉ hết tâm phàm, chẳng có thánh giải khác.

Chỉ có đưa, nhận, gật đầu... những cử chỉ rất tầm thường mà nhận được tâm yếu. Tâm yếu đâu có gì kỳ đặc, chính là cái bình thường nhật dụng hằng ngày. Do đó thiền sư Thanh Viễn mới dẫn *như khi thấy sắc là lúc chứng*. Bằng chứng cụ thể ở hội Linh Sơn, toàn chúng đang ngồi chờ Phật thuyết pháp. Phật cầm cành hoa sen giơ lên, tổ Ca-diếp chúm chím cười, Tổ đã thấy đạo. Sau này các vị tổ cũng thế, khi đưa cây phát tử lên có vị nhận được tâm yếu. Như vậy thấy sắc là đã chứng.

*Khi nghe tiếng là lúc chứng.* Như trường hợp ngài Hoàng Bá gọi tướng quốc Bùi Hưu:

- Bùi Hưu!

- Dạ!

- Ở chỗ nào?

Bùi Hưu ngay đó ngộ được ý chỉ.

*Khi uống nước, ăn cháo là lúc chứng.* Như ngài Triệu Châu hỏi vị tăng mới đến:

- Từng đến đây chưa?

- Dạ đã từng đến.

- Uống trà đi.

Vị tăng khác đến, ngài hỏi:

- Từng đến đây chưa?

- Dạ chưa từng đến.

- Uống trà đi.

Viện chủ thắc mắc hỏi:

- Vì sao người chưa từng đến Hòa thượng dạy uống trà đi, người đã từng đến Hòa thượng cũng dạy uống trà đi?

Thiền sư Triệu Châu gọi:

- Viện chủ!

Viện chủ đáp:

- Dạ!

- Uống trà đi!

Viện chủ liền ngộ.

Hoặc có vị tăng khác đến hỏi đạo:

- Thế nào là Phật?

Ngài Triệu Châu bảo:

- Ở trong điện.

- Trong điện đâu không phải bùn đất đắp thành tượng?

- Phải.

- Thế nào là Phật?

- Ở trong điện.

- Con mê muội xin Thầy chỉ dạy.

- Ăn cháo xong chưa?

- Ăn cháo xong.

- Rửa chén bát đi.

Vị tăng nhân đây đại ngộ.

Như vậy khi uống nước, ăn cháo cũng là lúc chứng. Ngay trong đó mà thấy đạo.

*Mỗi mỗi đều bật năng sở.* Nghĩa là mỗi mỗi đều nhận rõ nơi mình không có năng không có sở.

**Đây chẳng phải tập lâu, chẳng nhờ huấn luyện mà được, bởi vì là việc hiện thành. Người đời không biết gọi là trôi lăn. Cho nên nói chỉ chứng mới biết, khó có thể lường.**

Cái đó chẳng phải do tập lâu mà được hay huấn luyện mà thành, chỉ khéo nhận liền được.

*Bởi vì là việc hiện thành.* Chữ “hiện thành” nghĩa là sẵn có ở trước mắt chứ không đâu xa, không phải do huấn luyện mà được. Bởi vì dù có huấn luyện bao nhiêu đi nữa, nếu không khéo nhận cũng thành xa. Chỉ khéo nhận thì nó hiển hiện trước mắt.

*Người đời không biết gọi là trôi lăn.* Không nhận ra nó, không biết nó nên cứ trôi lăn trong sanh tử. Hiện chúng ta đang sống trong tâm thể trùm khắp mà không thấy, khác nào người đang sống trong không khí lại quên không khí. Như cá sống trong nước mà quên nước. Nghĩa là chỉ nhớ tướng mạo mà quên đi cái trùm khắp. Ngay nơi mình, tâm thể trùm khắp mà lại quên nhận, chỉ nhận những suy nghĩ này nọ, tính toán kia đây. Đó gọi là trôi lăn, luân hồi.

*Cho nên nói chỉ chúng mới biết, khó có thể lường.* Chỉ người nào chúng được mới biết, còn chưa chúng thì khó có thể lường nổi. Chuyện này rõ ràng vì sẵn ở trước mắt, nhưng tại sao có người tìm hoài suốt đời không thấy? Bởi vì nó là sẵn của mình cho nên càng cố tìm càng không thấy. Như vậy khó hay dễ? Tìm suốt đời không thấy thì đâu phải dễ, nhưng ở trước mắt thì đâu phải khó. Ngay chỗ tìm hoài không thấy nên Bàng Uẩn nói:

- Khó khó mười tạ dầu mè trên cây vuốt (Nan nan thập tạ du ma thọ thượng than).

Bà vợ đáp:

- Dễ dễ trên đầu trăm cỏ ý Tổ sư (Dị dị bách thảo đầu thượng Tổ sư ý).

Người nói khó người nói dễ, con gái là Linh Chiếu tiếp:

- Cũng chẳng khó cũng chẳng dễ, đói đến thì ăn, mệt ngủ khò (Dã bất dị, dã bất nan, cơ lai khiết phạn khốn lai thùy).

Đối với chúng ta, không nhận được tâm yếu mà đói ăn mệt ngủ thì suốt đời trôi lăn trong sanh tử, không biết bao giờ mới được thành thoi. Đó là chỗ thật tình Phật tổ muốn chỉ. Điểm này thật là quan trọng.

**Người học đạo biết rõ có việc này, vì sao không được yếu chỉ mà thường nghi, bởi vì tin chưa tốt, nghi chưa sâu. Nếu tin tốt, nghi sâu thì chính là việc ấy. Chẳng biết phản chiếu như thế, bèn mê loạn không biết manh mối. Giữa đường gặp khó khăn trở ngại, lại hay tự phản tỉnh, lại không có người thứ hai. Đã nói là việc này thì đâu lại có biết. Biết là vọng lự thì việc này cũng chẳng mất.**

*Người học đạo biết rõ việc này, vì sao không được yếu chỉ mà thường nghi, bởi vì tin chưa tốt, nghi chưa sâu.*

Thiền sư Thanh Viễn nói dễ để chúng ta nhận ra cái đó. Có người nhận ra rồi nhưng vẫn còn nghi. Tại sao? Bởi vì họ tin chưa tốt, nghi chưa sâu. Nếu tin tốt

ngghi sâu thì chính là việc ấy. Tuy nhận ra rồi nhưng vẫn còn nghi là tại nhận để mà nhận. Nghĩa là nửa tỉnh nửa mê, hoặc nghi mà nghi chưa thật sâu, tức nhận chưa thấu đáo. Nếu nghi tột thì khi bùng ngộ cũng là ngộ tột. Nghi không ra nghi, ngộ không ra ngộ, lừng chừng nửa tỉnh nửa mê thì không khỏi còn chỗ mập mờ.

Ngay từ những ngày đầu khi mở khóa giảng ba năm ở tu viện Chơn Không, tôi đã từng nói: “Tôi dạy ba năm, chỉ làm sao cho người học đủ niềm tin là được.” Tăng ni đủ niềm tin là tôi mừng rồi. Thấy như dễ nhưng thực tế rất khó. Chữ tin ở đây không phải tin theo kiểu Phật ban phước hoặc Phật nói kinh hay, mà tin ngay nơi mình có tâm thể rõ ràng, không còn nghi ngờ gì hết. Đi, đứng, nằm, ngồi đều biết mình có cái đó không nghi, đó mới là thật tin.

Có người tin nhưng nhiều khi bận lo chuyện đời rồi cũng quên mất. Lâu lâu sức nhớ lại, mình có cái đó mà sao nó đâu mất. Đó là tin mà chưa thật tin. Lại nhiều khi tin mình có cái đó nhưng sống với nó thấy hơi buồn. Suy nghĩ tính toán cái này cái kia vui hơn, nhất là người mới tu. Như khi trước học kinh có nhiều câu không hiểu, giờ đây tâm hơi yên tĩnh, nhớ lại liền hiểu ra, thấy hay quá nên cứ theo và suy nghĩ về nó mãi. Tỉnh thoảng nhớ câu khác thấy hay rồi theo nữa, bỏ thì uổng nên không nỡ bỏ. Đó là bệnh.

Hoặc có người khi trước tính chuyện làm ăn không ra. Giờ có tu chút chút, tâm hơi tỉnh táo trở lại tính tiếp chuyện cũ. Họ cho cái nghi ấy là khôn ngoan nên ôn tới

ôn lui hoài, thành ra tự đánh mất mình bao giờ không hay. Đó là bệnh của người tu do tin chưa sâu chưa tốt. Nếu tin tốt thì bất cứ thứ gì đến, như bưng hiểu một câu kinh hoặc nhớ chuyện hồi trước suy nghĩ không ra... thì cũng bỏ hết. Bởi vì những thứ đó không phải là mình. Chỉ sống với cái chân thật của chính mình mới là tin sâu. Cho nên nói *nếu tin tốt, nghi sâu thì chính là việc ấy*. Nghi đây là nói về nghi tình của người tu khán thoại đầu. Nếu chúng ta không khán thoại đầu mà nhận ra, tin tốt thì cũng “chính là việc ấy”, tức chỗ tâm yếu vậy.

*Chẳng biết phản chiếu như thế, bèn mê loạn không biết manh mối.* Người nào không biết phản chiếu như vậy tức là không chịu soi trở lại mình, là kẻ mê loạn không biết manh mối.

*Giữa đường gặp khó khăn trở ngại, lại hay tự phản tỉnh, lại không có người thứ hai.* Chỗ phản tỉnh nghĩa là nhận ra. Đừng nghĩ rằng nhìn trong ngực mình là phản tỉnh, đó là lầm. Mỗi chúng ta đều có sáu căn, mắt tai mũi lưỡi thân ý là cơ quan để tiếp xúc với sáu trần. Như mắt chạy theo sắc, tai chạy theo tiếng v.v... Bây giờ phản tỉnh bằng cách mắt thấy sắc không chạy theo sắc, nên biết rõ mình có tánh hay thấy. Tai nghe tiếng không chạy theo tiếng, nên biết rõ mình có tánh hay nghe. Đó là phản tỉnh, tức xoay lại để nhận ra mình, chứ không chạy theo vật phân biệt đẹp xấu hay dở. Nhận ngay nơi mình không có người thứ hai thì còn gì là trở ngại.

*Đã nói là việc này thì đâu lại có biết.* Việc này chính là cái tự mình nhận ra, không phân biệt để biết như biết các sự vật bên ngoài.

*Biết là vọng lự thì việc này cũng chẳng mất.* Cái biết mà phân biệt thuộc về vọng lự. Tuy nhiên khi vọng lự dấy lên để phân biệt sự vật thì chính cái biết việc này là tâm thể. Tâm thể đó luôn luôn tồn tại không bao giờ mất. Cũng như khi sóng âm âm dưới biển, đầy cả mặt biển mà nước vẫn đủ trong đó, chứ đâu phải có sóng mà mất nước.

**Đạo chẳng bởi nói với chỉ bày rồi sau mới hiển, bởi vì thể nó tự thường bày. Nói và chỉ bày là phương tiện của đạo. Người dùng nó để tỉnh ngộ cũng là lối tẽ tạm thời thôi. Hoặc nhân nói mà chứng, nhân chỉ bày mà nhập, hoặc tự chạm biết để trở về, trọn không có việc khác. Đến tận nguồn tâm là dừng.**

*Đạo chẳng bởi nói với chỉ bày rồi sau mới hiển, bởi vì thể nó tự thường bày.* Đến đây thiền sư Thanh Viên nói tâm thể tức là đạo. Thường chúng ta không hiểu, tưởng đạo khác tâm khác, nhưng sự thật đạo là chỉ cho tâm thể của chính mình. Đạo không phải do chỉ hay nói rồi mới có, mà hằng hiển bày ngay mỗi người. Cũng như hiện giờ chúng ta đang ở trong không khí, đang hít thở không khí, nhưng vì công việc đa đoan nên chỉ nhớ công việc mà quên mình đang sống nhờ hít thở không khí. Nếu có người nhắc thì chúng ta sực nhớ lại mình đang hít thở không khí. Vậy không khí luôn luôn

sẵn có mà chúng ta quên, chứ không phải đợi người khác chỉ mới có.

Tâm thể cũng vậy, nó là cái sẵn có chỉ tại chúng ta quên. Cho nên khi được người khác nhắc hay chỉ mình liền sức nhớ lại và nhận ra, đó gọi là thấy đạo hay ngộ đạo. Do đó sau khi thành đạo Phật tuyên bố: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành.” Chỉ cần một phen nhớ lại liền được, đâu có xa có nhọc, vậy mà chúng ta vẫn chưa chịu nhớ.

Thí dụ sáng ăn ít cơm cháo rồi vác cuốc ra đồng hoặc làm việc gì khác. Hết giờ công tác vào tắm rửa, xong lại nấu cơm ăn. Nghỉ một chút, chiều thức dậy cũng làm như vậy. Ngày này qua ngày kia làm mãi bấy nhiêu việc mà chưa từng nhớ mình đang thờ. Nhớ việc này chưa làm xong, việc kia chưa làm xong... vì việc chung quanh mà quên mất bầu không khí trùm khắp mình đang sống.

Cũng vậy, tâm thể trùm khắp hiện sẵn ngay chúng ta mà mình quên, chỉ nhớ việc nọ việc kia. Ngày nay đặt ra bao nhiêu vấn đề phải giải quyết, ngày mai bao nhiêu vấn đề phải thanh toán cho xong. Tối ngồi lại nhớ mai làm việc gì, phải đi đâu... Sáng ra thực hiện được việc này lại tính qua việc kia. Chiều tính tiếp còn đọng lại bao nhiêu vấn đề. Cho đến lúc mệt nằm ngủ, trong giấc ngủ cũng tính toán. Cuối cùng quên mất tâm thể của chính mình, do đó phải chịu luân hồi mãi. Đau khổ chính là chỗ đó.

Như người sống nhờ không khí mà không để ý đến sự hít vô thở ra, chỉ nghĩ chuyện này làm chưa xong, chuyện kia còn dang dở. Tại sao sống nhờ thứ này lại đi nhớ thứ khác. Đồ đạc, sự nghiệp, của cải, con cái v.v... đâu có thật mà luôn luôn nghĩ nhớ đến nó, có phải quanh quẩn trong vòng đau khổ không. Như vậy ai cô phụ ai?

Một hôm quốc sư Huệ Trung gọi thị giả Ứng Chơn. Ứng Chơn ứng thanh đáp:

- Dạ!

Ba lần gọi, Ứng Chơn ba lần dạ. Quốc sư Huệ Trung trách:

- Tưởng ta cô phụ ngươi, nào ngờ ngươi cô phụ ta.

Thị giả Ứng Chơn kêu đâu dạ đó, sao ngài Huệ Trung bảo là cô phụ? Có nghe tức có biết, biết tức giác. Ứng Chơn quên, chạy theo tiếng nên không nhận ra mình có tâm thể. Vì thế thầy bảo là cô phụ. Cho nên biết là vọng lự thì việc này cũng chẳng mất. Rõ ràng như vậy.

*Nói và chỉ bày là phương tiện của đạo. Người dùng nó để tỉnh ngộ cũng là lối tẽ tạm thời thôi. Hoặc nhân nói mà chứng, nhân chỉ bày mà nhập, hoặc tự chạm biết để trở về, trọn không có việc khác. Đến tận nguồn tâm là dừng.*

Trong ba trường hợp, nghe thiện tri thức nói mà chứng nhận được, hay nhân thiện tri thức chỉ mà ngộ nhập, hoặc đối cảnh rồi bất thần tỉnh ngộ. Như trường hợp ngài Linh Vân thấy hoa đào nở chợt ngộ là trường hợp

tự chạm biết mà trở về, không do ai chỉ. Ba trường hợp tuy khác nhau, nhưng đến chỗ trở về tận nguồn tâm là dừng. Nghĩa là trở về nguồn tâm rồi không còn gì khác nữa.

**Có người nói ngộ rồi mới tu. Đây thuộc về môn đối trị. Tuy nhiên Thiên môn cũng cho dùng chánh tri kiến để trị nó. Nếu luận dương nhân tức chẳng phải như thế. Phật đạo dài lâu, hằng chịu siêng năng lao khổ mới có thể được thành. Dài suốt ba đời phàm thánh nhất như, nên nói “Phật đạo dài lâu”. Chẳng khởi thấy khác, chưa từng trái bỏ. Nên nói “hằng chịu siêng năng khổ nhọc”. Tốt cùng không có pháp khác, nên nói “mới có thể được thành”. Đây là việc của đại trượng phu.**

*Có người nói ngộ rồi mới tu, đây là lối nói đối trị. Tại sao? Bởi vì đa số người xuất gia nghe nói đạo hay thế này thế kia, Phật nói đúng thế này thế nọ nên tin mà phát tâm tu theo. Từ niềm tin đó mà vào đạo chứ không phải do tỉnh giác phát tâm tu. Cho nên chư tổ thường dạy chúng ta cần phải ngộ rồi mới tu là vậy.*

*Tuy nhiên thiên môn cũng cho dùng chánh tri kiến để trị si mê, tức là dùng tỉnh giác để trị mê lầm. Đối với chúng ta phải nói Phật đạo dài lâu, hằng chịu siêng năng lao khổ mới có thể được thành.*

Ở đây thiền sư Thanh Viễn giải thích theo lý thiên, Phật đạo dài lâu, hằng chịu siêng năng khổ nhọc mới có thể được thành, nghĩa là *dài suốt ba đời phàm thánh nhất như, nên nói “Phật đạo dài lâu”*. Bởi vì tâm thể

này không bị hạn cuộc trong thời gian. Sở dĩ có ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai là căn cứ trên thời gian sanh diệt mà nói. Tâm thể thì không mắc kẹt trong thời gian nên nói Phật đạo dài lâu. Thấu suốt cả ba thời, không bị chi phối, phàm và thánh đều là nhất như.

Bởi vì tâm không đối đãi, không hai nên không chia đây là phàm kia là thánh. Chẳng hạn đối với Phật thì chúng ta là phàm, Phật là thánh. Đó là đứng về mặt đối đãi, mê ngộ mà nói. Phật vì ngộ được tâm thể nên gọi là thánh, chúng ta vì quên tâm thể nên gọi là phàm. Nhưng thật ra tâm thể ấy không phàm cũng không thánh. Vậy muốn làm thánh phải làm sao? Chỉ một việc hết sức đơn giản là nhớ, chứ không phải nhọc nhằn trèo non lội biển gì cả. Nhớ mình có tâm thể tức thánh, quên tâm thể chạy ra ngoài tức phàm. Thật ra chữ “mê ngộ” rất đơn giản, nhưng chúng ta thường hay quan trọng nó. Ngộ là phải ngộ cái gì, mê là mê cái gì nên trở thành khó khăn.

Ở đây, mê chỉ có nghĩa là quên. Như trong kinh Pháp Hoa nói, kẻ có hòn ngọc quý trong ché áo mà quên nên lang thang đi xin ăn nơi này nơi nọ chịu nhiều khổ sở. Đến khi gặp người bạn chỉ cho, liền nhận ra mình có hòn ngọc quý, từ đó về sau không còn phải đi xin ăn đói khổ nữa. Chúng ta cũng vậy, tất cả đều có tâm thể nhưng lỡ quên nên cứ chạy theo vọng tưởng sanh diệt, duyên theo sáu trần, bị cuốn đi nơi này nơi kia gọi là mê, là luân hồi. Chỉ khi nào ta sức nhớ lại, không chạy theo vọng tưởng, sáu trần, hằng sống với tâm thể, đó là đạo.

Nói thì hết sức đơn giản, tưởng chừng trong chốc lát có thể giải quyết xong, nhưng khi thực hành quả thật cay đắng.

Lâu nay chúng ta quên mình, chạy theo những thứ rất tầm thường bên ngoài. Nếu chịu khó ngâm nghĩ kỹ sẽ thấy, như buổi sáng ăn lót lòng rồi làm vài công việc. Trưa đến vào nấu cơm, ăn xong nằm nghỉ một chút đã đến xế chiều. Đêm nghỉ một giấc thức dậy là sáng. Hết sáng đến tối, hết tối đến sáng. Chính trong cái sanh diệt triền miên đó, mình lại đặt điều kiện này điều kiện kia, chứ không bao giờ có niệm tỉnh giác. Cứ thế thời gian trôi qua mau chóng. Những vị năm nay sáu bảy mươi tuổi, sự nhớ lại mấy chục năm qua có xa xôi gì. Mọi chuyện cứ trôi qua. Vậy mà ngày nay mong ngày mai, năm này sáng sửa hơn năm ngoái. Cứ mãi sống với những thứ bên ngoài mà quên mất chính mình. Quên lưng đi chứ không phải quên chút ít. Phật thấy chúng sanh đáng thương là vậy.

Chúng ta ai cũng có tâm thể mà lại bỏ quên để chịu khổ, thử hỏi không đáng thương sao được. Tuy quên nhưng đi đến đâu cũng mang nó theo, mà không biết đem ra dùng. Hiểu được lẽ này thì sẽ nắm được cốt yếu của sự tu hành. Chỉ làm sao nhận ra, thấy rõ được mặt thật của chính mình, nhà thiền gọi là bản lai diện mục. Từ đó về sau không còn kẹt trong đối đãi, phàm thánh, mê ngộ. Vì trên tâm thể đâu có phàm thánh, mê ngộ.

*Chẳng khởi thấy khác, chưa từng trái bỏ* nghĩa là nhận ra tâm thể, hằng sống với tâm thể thì không

chạy theo bên ngoài, tức là chẳng khởi thấy khác và chưa từng trái bỏ.

*Nên nói “hằng chịu siêng năng khổ nhọc”.* Nghĩa là muốn hằng sống trong thể đó phải trải qua thời gian lâu dài, chuyên cần khổ nhọc mới được. Khi đi đứng nằm ngồi đều không có niệm khác gọi là người thấy tánh. Nghĩa là suốt ngày đêm không để cho các niệm khác dấy lên, hằng sống với cái chân thật của chính mình, chứ không phải ngày đêm lạy Phật thật nhiều gọi là thấy tánh.

*Tột cùng không có pháp khác, nên nói “mới có thể được thành”.* Nghĩa là khi đến chỗ tột cùng chỉ có tâm thể chứ không có pháp nào khác, không có quả vị từ người kia đem đến cho mình.

*Đây là việc của đại trượng phu.* Người nhận được, sống được là đại trượng phu, chứ không phải kẻ tầm thường.

**Người không biết đi hỏi, liền y nơi đó mà đáp. Chẳng biết bèn tự hỏi thì ông muốn đáp cho ai? Người không biết đáp, liền y lời nói khởi kiến giải. Chẳng biết bèn tự đáp thì ông có chỉ thú gì? Cho nên nói: “Thầy là ông, khéo xem, khéo xem.”**

Đoạn này thật khó hiểu. Nếu người không biết được tâm thể của mình, đi hỏi kẻ khác, người đó y theo câu hỏi của mình mà đáp lại. Đây là trường hợp người không biết chạy theo bên ngoài để hỏi. Ở đây thiền sư Thanh Viễn nói: *Chẳng biết bèn tự hỏi thì ông muốn*

*đáp cho ai?* Nghĩa là nếu chạy theo bên ngoài hỏi thì có người hỏi và người đáp, rõ ràng là có hai. Nếu không biết, tự hỏi tự vấn lấy mình thì đâu còn ai hỏi ai đáp.

*Người không biết đáp, liền y lời nói khởi kiến giải.* Chẳng biết bèn tự đáp thì ông có chỉ thú gì? Người không biết đáp là khi nghe hỏi liền khởi phân biệt thế này thế kia để đáp lại. Đó là khởi kiến giải. Vì thế nếu chẳng biết bèn tự đáp cho mình thì còn có chỉ thú gì. *Cho nên nói: Thấy là ông, khéo xem, khéo xem.*

Tóm lại đoạn này thiền sư Thanh Viễn muốn nhắc chúng ta nếu không biết thì nhận ngay nơi mình, hỏi ngay nơi mình mà biết. Nếu biết đáp thì cũng tự thâm xoay lại mình, đừng chạy theo câu hỏi của người mà suy nghĩ, tính toán. Như vậy mới không bị mắc kẹt bên ngoài, hỏi và đáp đều chính nơi mình. Trong nhà thiền thường dùng những câu như “vấn tức là đáp”, nghĩa là khi hỏi tức là đáp. Tại sao khi hỏi là đáp, hỏi là hỏi cái gì? Phải chẳng hỏi đạo, hỏi Phật, hỏi tâm? Thí dụ hỏi đạo Phật ở đâu, rõ ràng ngay đầu câu hỏi đã có đạo có Phật rồi. Vậy mà phải chờ người khác đáp rồi bám theo đó suy nghĩ, cuối cùng chấp lấy chỗ kiến giải cho là của mình. Thật đáng hổ thẹn thay!

Cho nên người biết hỏi là hỏi ngay nơi mình, vừa dấy niệm lên biết đầu niệm ấy là gì, tự nhiên sẽ thấy. Trái lại, nếu dấy niệm chạy ra ngoài hỏi, chờ người đáp rồi suy nghĩ, đó là mắc kẹt. Đến người đáp cũng vậy, khi người hỏi mình nên đáp cho khéo để họ xoay lại họ, mình xoay lại mình. Đó là đáp đúng.

Chính chỗ này, thiền sư có những hành động lạ lùng. Chẳng hạn hỏi “Thế nào là câu cứu cánh?”, thiền sư chỉ làm thinh. Nghĩa là trở lại chính mình là lời đáp. Bởi vì cứu cánh là tự mình nhận, tự mình thấy trước khi vọng tưởng chưa sanh. Cho nên hỏi thế nào là cứu cánh thì chỉ làm thinh. Người không hiểu thì thôi, ai khéo thì nhận ra ngay, vì trong cái làm thinh đó đã chỉ cứu cánh rồi. Đó là đáp để trở về mình và người hỏi cũng trở về họ.

Đây dẫn thêm câu chuyện một hôm vị thiền sư hỏi thị giả:

- Ông họ gì?

Thị giả đáp:

- Con đồng họ với Hòa thượng.

Thiền sư lại hỏi:

- Ta họ gì?

- Đầu câu nói đó là gì?

- Người từng học ở đâu?

- Không có chỗ khác!

Như vậy vị Hòa thượng kia họ gì? Câu chuyện nghe như nói đùa mà thật thấu đáo. Nếu thị giả không đáp như vậy mà thưa con họ Nguyễn, họ Lê chẳng hạn thì nguy rồi. Đầu câu nói đó là gì, một câu trả lời thật khéo. Thị giả đã biết họ của Hòa thượng rồi, con đồng họ với ngài. Đó là những phương tiện khéo của nhà thiền, người ngoài thấy có vẻ lạt lẽo nhưng thật tình rất thâm thúy. Lối hỏi đáp như vậy mới thật là trở về chính mình.

Chỗ này không khéo, chúng ta cứ nghe hỏi rồi đáp theo phân biệt của ý thức, thành ra sai mất. Vì vậy thiền sư Thanh Viễn nói: *Thấy là ông, khéo xem, khéo xem*, tức là việc gì cũng xoay về chính mình.

Trong kinh Lăng-nghiêm đầu chẳng nói “Nhược năng chuyển vật tức đồng Như Lai”, nghĩa là người nào chuyển được vật thì người đó đồng với Phật. Lục Tổ quở Pháp Đạt tụng kinh Pháp Hoa ba ngàn bộ mà không hiểu chỉ thú của kinh, nghĩa là bị kinh chuyển, chứ không chuyển được kinh. Biết chuyển kinh là người thấy đạo. Bao nhiêu lời Phật dạy là để thấy lại mình nhưng chúng ta không chịu thấy, cứ cho Phật nói thế này hay, thế kia tuyệt diệu rồi suy nghĩ hoài câu nói đó, không chiếu soi lại mình. Người nào nhân lời Phật nói mà thấy được mình, đó mới thật là chuyển kinh. Chúng ta thấy sự vật, nghe tiếng v.v... sáu căn đối với sáu trần, mỗi cái thấy cái nghe đều xoay trở lại mình, nhận rõ nơi mình có tánh thật, đó gọi là chuyển vật, là đồng với chư Phật.

**Hoặc có người bảo: Từ trước cổ nhân, Phật tổ chỉ bày ngôn giáo, lưu bố thế gian mỗi mỗi phân minh, cứ sao đều nói là “tự mình”, đâu không phụ lòng từ bi của Thượng tổ, chư thánh nhọc nhằn dạy bảo?**

Có người hỏi từ xưa đến giờ Phật tổ đã chỉ dạy bao nhiêu kinh điển rõ ràng, truyền bá đầy đủ trên thế gian, giờ đây cái gì ngài cũng bảo là “tự mình”, như vậy có phải phụ lòng chư Phật chư thánh chăng?

**Đáp:** Tôi thuận theo tông thú của Phật tổ, chính ông tự cô phụ, chứ tôi đâu có phụ. Nếu nói có sở thuyết tức là chê bai Phật tổ, ông chớ nên làm người rớt sau đoạn hạt giống Phật. Nếu chẳng nơi mình biết trở về, thì việc làm đều thành hư ngụy. Dù ông nhớ được như hà sa, hiểu được như trần mặc, nơi mình nào có ích gì? Cho nên nói: “Đem cái nghe nhớ lại lời chư Phật, sao chẳng nghe lại tánh nghe, cầu Phật có tướng ở bên ngoài cùng ông đâu có dính dáng gì.” Có một vị tôn túc bảo: “Nay ta đáp ông một câu cũng chẳng khó, nếu ông ngay một câu mà tiến được vẫn còn đôi phần so sánh. Nếu ông chẳng hội, lão tăng thành vọng rồi.”

Có người bảo nếu việc gì cũng nói trở về mình, như vậy phụ lòng chư Phật chỉ dạy sao? Ở đây thiền sư Thanh Viễn nói: *Tôi thuận theo tông thú của Phật tổ, chính ông tự cô phụ, chứ tôi đâu có phụ.* Tại sao ngài trả lời như vậy? Vì *nếu nói có sở thuyết tức là chê bai Phật tổ.* Trong kinh Kim Cang Phật dạy: “Nếu nói Phật có thuyết pháp tức là chê bai Phật.” Ông chớ nên làm người rớt sau đoạn hạt giống Phật, nghĩa là chớ làm kẻ sau cùng dứt hạt giống Phật.

Nên nhớ lời của chư Phật nói ra cốt chỉ cho chúng ta ngộ được tâm thể của mình, chứ không phải nói thành câu hay lời khéo để học thuộc. Thế nhưng chúng ta thường hay bị kẹt ở lời Phật nói, không chịu nhận tâm thể nơi mình. Do đó Phật nói kinh suốt bốn mươi chín năm mà sau cùng kết luận “Ta chưa từng nói một câu”,

để thấy rằng đó chỉ là phương tiện tạm thời, chứ không phải chỗ cứu cánh chân thật. Nếu không như vậy, ta đã tự đoạn hạt giống Phật của chính mình.

*Nếu chẳng nơi mình biết trở về, thì việc làm đều thành hư ngụy.* Nếu chúng ta không trở về nơi chính mình thì những việc làm như gõ mõ, tụng kinh, niệm Phật v.v... là những thứ bên ngoài, tất cả đều hư ngụy. Chánh yếu cốt phải trở về mình. Như chúng ta ngồi thiền để không chạy theo vọng tưởng. Nếu ngồi mà mong thấy Phật, thấy hào quang là mong những tướng bên ngoài, đó là hư ngụy. Chạy theo hư ngụy là tà.

Cho nên nói dù ông nhớ kinh Phật tổ dạy nhiều như cát sông Hằng, hiểu lý nhiều như bụi mực thì nơi mình nào có ích gì? Chính Phật đã từng trách ngài A-nan: “Dù ông đa văn, học thuộc lòng ba tạng kinh của chư Phật, không bằng một ngày thực hành tu để thấy đạo.” Nếu một ngày chúng ta tu, sống thật với chính mình quý hơn thuộc lòng ba tạng kinh.

*Cho nên nói: “Đem cái nghe nhớ lại chư Phật, sao chẳng nghe lại tánh nghe.”* Chúng ta có bệnh nghe câu nào trong kinh nói hay thì học thuộc mà không chịu sống lại tánh nghe hằng có của mình.

*Cầu Phật có tướng ở bên ngoài cùng ông đâu có dính dáng gì.* Chúng ta đã sẵn có Phật mà không biết trở về, cứ cầu Phật bên ngoài như Phật Thích-ca, Phật A-di-đà v.v... Phật bên ngoài đâu thể trở về cho mình được? Muốn trở về, phải là chính mình chứ không ai khác.

Vì vậy thiền sư Thanh Viễn dẫn, có vị tôn túc bảo: *Nay ta đáp ông một câu cũng chẳng khó, nếu ông ngay một câu mà tiến được vẫn còn đôi phần so sánh. Nếu chúng ta nhân câu nói của thiện tri thức mà có tiến, có hiểu thì cũng vẫn còn trong vòng đối đãi, so sánh. Lại nữa, nếu ông chẳng hội, lão tăng thành vọng rồi. Nếu không hiểu, đó cũng là lời nói rỗng vô ích.*

Tóm lại, học đạo gốc là trở về mình. Thực tế hiện nay gần hết chín mươi phần trăm là chạy ra ngoài. Nghe nói ở đây, ở kia có thầy bói giỏi liền đến xem. Nghe đằng nọ có gò mối nổi lên giống hình Phật liền tới lễ bái v.v... Cứ như vậy mà chạy ngược chạy xuôi tìm Phật. Cuối cùng Phật ở đâu không thấy, mà Phật chính mình sờ sờ trước mắt không nhận ra.

**Học giả thời nay đua nhau lấy hỏi đáp làm quan yếu trong Thiên tông, chẳng biết là tâm thủ xả khởi tưởng. Than ôi! Cái học đến lý, đến sự đều là lối nói của những người gần đây, dù có chút ít nhận hiểu cũng chưa được thối dứt. Đâu chẳng nghe nói: “Đạo Niết-bàn dứt bật nghĩ lường.” Phải biết thẳng thắn, tự kiểm điểm mới được.**

Nhiều người cho hỏi đáp là chỗ quan yếu của việc học thiền, mà không biết đó cũng là tâm thủ xả. Nếu người đáp hay thì ta chấp vào câu đáp để ghi nhớ phân biệt, người đáp dở thì chê. Như vậy cũng còn cái tưởng thủ xả. Học đến lý, đến sự tức là người học chia ra đây là sự kia là lý, lý khác sự khác. Người như vậy dù có chút ít nhận hiểu, cũng chưa được thối dứt, bởi vì còn kẹt trong suy tư phân biệt.

*Đâu chẳng nghe nói: “Đạo Niết-bàn dứt bật nghĩ lường.”* Nếu còn suy nghĩ, dù vào Niết-bàn chẳng nữa cũng chỉ là Niết-bàn tưởng tượng mà thôi. Chỉ khi nào chúng ta không nghĩ, không tính toán đó mới thật là Niết-bàn.

*Phải biết thẳng thắn, tự kiểm điểm mới được.* Do đó chúng ta phải thẳng thắn nhìn lại chính mình để kiểm điểm thì mới thấy được Niết-bàn. Nếu cứ chạy ra ngoài thì không bao giờ thấy.

**Người do mê tâm nên tìm đạo, bèn đến trong núi rừng cầu gặp thiện tri thức, cho là riêng có cái đạo có thể khiến người được an lạc. Họ không biết nghiên cứu trở lại, nhằm chỗ mê hạ thủ công phu là tối đệ nhất. Nếu không đến được chỗ mê này, dù vào núi rừng không trở lại, cũng uổng công mà thôi. Chỗ mê cũng rất dễ nói mà khó vào. Cho nên tiên đức nói “Khó tin, khó hiểu”, lại bảo đây là nói đạo của Tông đốn. Nói phản chiếu vốn là lời tẩu tác, hướng là chẳng như thế. Người đời sau, bèn dùng lời trên làm bình thường vô sự, một vị chân thật. Đây là chỗ không rõ của kẻ hậu học, ăn mặc chẳng xét.**

*Người do mê tâm nên tìm đạo. Vì quên tâm nên mới đi nơi này nơi kia để học hỏi, tìm đạo.*

*Bèn đến trong núi rừng cầu gặp thiện tri thức, cho là riêng có cái đạo có thể khiến người được an lạc. Nghĩa là cầu người này người kia chỉ cho mình đạo được*

an lạc, mà không tự biết nghiên cứu chỗ mê của mình để hạ thủ công phu. Do mê nên không thấy đạo, vậy mê là cái gì? Thử tìm lại coi cái mê đó ra sao? Đây chính là chỗ then chốt của nhà thiền. Khi tổ Bồ-đề-đạt-ma sang Trung Quốc, đến núi Thiếu Thất ngồi xây mặt vào vách chín năm. Một hôm ngài Thần Quang tìm đến thưa:

- Tâm con chưa an, xin Thầy dạy pháp an tâm.

Tổ bảo:

- Người đem tâm ra đây, ta an cho.

Ngài Thần Quang quay lại tìm không thấy, thưa:

- Con tìm tâm không thể được.

- Ta đã an tâm cho người rồi.

Ngài Thần Quang nhân đây thấy đạo. Tổ khen ngài rất khá, liền đổi pháp hiệu là Huệ Khả.

Như vậy, thấy đạo là thấy gì? Tìm chỗ bất an của chính mình, mà chỗ bất an là mê. Tìm lại chỗ mê thì mê hết, cũng vậy biết mình dốt thì hết dốt. Do đó, muốn hết mê phải ngay cái mê đó hạ thủ công phu. Muốn hết vọng tưởng, chỉ cần biết ngay vọng tưởng đó không thật thì tự nhiên nó hết. Đây là thuật chánh yếu của người tu thiền, là chỗ tối đệ nhất.

*Nếu không đến được chỗ mê này, dù vào núi rừng không trở lại, cũng uống công mà thôi. Nếu chúng ta không trở lại chỗ mê đó mà tu, dù vào trong núi rừng ở bao nhiêu năm cũng luống công nhọc sức, không được gì hết.*

*Chỗ mê cũng rất dễ nói mà khó vào. Biết cái mê thì dễ, nhưng muốn hết mê ắt không dễ. Cho nên tiên đức nói “Khó tin, khó hiểu”.*

*Nói phản chiếu vốn là lời tẩu tác, hướng là chẳng như thế. Thật ra phản chiếu đối với nhà thiền cũng chưa phải là chánh yếu. Bởi vì đó là lối tẩu tác, tức là chạy ra bên ngoài tạo tác. Hướng nữa hiện giờ chúng ta tu, buổi sáng bốn giờ thức dậy công phu, quét dọn, lau tượng Phật, làm ít công tác, chiều lại tụng kinh... cứ lếu láo qua ngày, cho hai thời công phu như vậy là hết bốn phần một vị tăng vị ni ở chùa. Nghĩ thế là tu, là xứng đáng lắm rồi, mà đối trong đạo chưa từng có phút giây phản tỉnh.*

Ở đây thiền sư Thanh Viễn bảo phản tỉnh vẫn còn là lời tẩu tác. Vì nói phản tỉnh là ra ngoài rồi mới nhìn trở vào, còn kẹt nơi hình thức thì đối với việc trên nào có dính dáng gì. Cho nên phải sống lại với mình một cách thực tế mới là sống đạo.

*Người đời sau, bèn dùng lời trên làm bình thường vô sự, một vị chân thật. Có người nghe nói phản chiếu cũng là tẩu tác rồi không làm gì hết. Không chịu phản chiếu tu hành, sống bình thường vậy thôi, đó là bệnh.*

*Đây là chỗ không rõ của kẻ hậu học, ăn mặc chẳng xét. Chỗ này thật ra dễ mà khó, khó mà dễ. Nghe nói tẩu tác, nói phản chiếu cũng là bệnh, rồi không làm gì hết, mặc kệ ra sao thì ra. Đây là bệnh lại càng thêm bệnh. Thành ra phải khéo léo, khôn ngoan mới nhận được chỗ chánh yếu của sự tu. Đừng nghĩ phản chiếu*

là ngồi lại lắng nghe mạch nhảy trong ngực trong tim v.v... Phản chiếu là một lối nói, chỉ cho chúng ta sống lại với bản tánh của mình, không chạy theo sáu trần. Vì thế ở trên thiền sư Thanh Viễn nói “đem cái nghe nghe lại tự tánh của chính mình, hơn là nhớ lại lời chư Phật”.

Như chúng ta biết, nơi thân tứ đại này nhờ hít thở không khí mà nhịp tim đập, đẩy máu lưu thông khắp cơ thể, đó là sự sống. Nếu không hít không khí vào, tim ngừng đập, mạch máu dừng lại, đó là chết. Thân này hoạt động, mạch nhảy tim đập liên tục như một cái máy. Bởi là máy nên khi một bộ phận nào đó lọc bụi không kỹ thì bị nghẹt, tức bị bệnh, có khi phải chết. Đã là máy thì đâu có cái nào còn hoài đời đời. Nó sẽ hư cũ và bị ném ra làm đồ phế thải. Thân này cũng là một bộ máy, vậy cố giữ nó lâu dài được không? Biết nó không thể giữ được mà hằng ngày chúng ta lo cho nó ấm áp, mạnh khỏe, xem đây là việc làm tối thượng. Ngày nay được no ấm, mạnh khỏe lại lo cho ngày mai. Được ngày mai lo đến ngày mốt, lo hoài lo mãi. Trong khi có cái không bao giờ hoại diệt, không bao giờ hư mục, nó luôn hiện hữu bên mình mà ta không buồn nhớ đến. Nó hiển lộ ra rõ ràng ở tai mắt và toàn thân. Tự nó hiện có, bao giờ cũng có nó, không nhờ hít thở để sống. Nếu phút giây nào đó chúng ta thật sự sống được trọn vẹn với thể tánh sẽ thấy thân này như một trò chơi, ai xin mình sẵn sàng cho, không hề lo ngại.

Thuở xưa, tại nước Kế-tân có hai người ngoại đạo giỏi pháp huyền thuật mưu đồ ám sát nhà vua. Họ sợ bại lộ cơ mưu nên đổi hình thành Tỳ-kheo làm việc gian ác.

Vua Di-la-quật hay tin nổi cơn phẫn nộ, ra lệnh triệt hạ chùa chiền, bắt giết tăng chúng. Vua đích thân cầm gươm báu đến chỗ tổ Sư Tử hỏi:

- Thầy được không tướng chưa?

Tổ đáp:

- Đã được.

- Đã được, thì còn sợ sống chết chăng?

- Đã lìa sống chết thì đâu có sợ.

- Chẳng sợ thì có thể cho ta cái đầu chăng?

- Thân chẳng phải của ta, huống nữa là đầu.

Đối với Tổ, cái đầu cũng không quan trọng bởi vì ngài đã sống được với cái chân thật thì cái giả đâu có đáng gì. Cũng như đứa bé, vì chưa từng thấy chiếc vòng bằng vàng thật nên mới quý chiếc vòng thau. Nếu nó biết có chiếc vòng bằng vàng, cái vòng thau chỉ là đồ giả thì tự nhiên hết quý. Sở dĩ người học đạo xả thân này dễ dàng là vì biết được cái thật. Nếu không, khi mất thân này nhất định phải tìm thân khác bám vào. Thế nên không biết cái giả thì đời đời theo nó không bao giờ muốn xa lìa. Cái thật không biết, cái giả không rõ thì sự tu không bao giờ thành tựu, không bao giờ thoát ra khỏi vòng luân hồi sanh tử.

**Từ trước đến đây có hai thứ phương tiện:**

**1. Chân thật phương tiện, nói không hở cách.**

**2. Thiện xảo phương tiện, khéo ứng dụng hợp các căn cơ.**

Nếu từ chân thật phương tiện được vào là chẳng nhờ suy nghĩ, tánh tự thâm giải, hằng không có lui sụt, diệu dụng như hằng sa. Nếu từ thiện xảo phương tiện được vào thì được an nhiên ngồi mặc áo. Về sau tự xem xét mới biết chỗ được chưa đủ mà cho là cứu cánh. Hai thứ phương tiện này đều là một pháp, không có thể mất trong chốc lát, người học phải khéo xét đó.

Ngài Tuyết Phong dạy người: “Chớ bảo lão tăng có một câu đến trên phần của ông, nếu có một câu đến trên phần của ông thì kham dùng làm gì?” Đây là cổ nhân bất đắc dĩ mà thôi. Người sau không hiểu ý cổ nhân, bèn cho rằng trên phần của chính mình, không có các thứ nói bàn, đây là hiểu lầm rồi.

Người hiểu đạo do hai thứ phương tiện mà vào. Một là *chân thật phương tiện*, nói không hở cách. Đây là phương tiện chân thật khiến, người nhận chân được đạo hay tâm yếu. Không hở cách là không có phút giây nào bị xen hở. Như trường hợp Lục tổ Huệ Năng, khi nghe được câu “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” trong kinh Kim Cang ngài liền ngộ, từ đó về sau không còn hở cách. Hoặc tổ Lâm Tế sau khi bị tổ Hoàng Bá đánh ba lần, ngài đến nơi Đại Ngu giải bày chỗ nghi, về sau được ngộ. Từ đó trở đi không một phút giây có niệm khác chen vào.

Hai là *thiện xảo phương tiện*, tức là nhờ thiện tri thức đánh thức cho mình thấy được lẽ thật, giác ngộ. Tuy nhiên sau đó cũng có lui sụt, tức nhận được nhưng

còn yếu. Nếu từ chân thật phương tiện được vào là chẳng nhờ suy nghĩ, tánh tự thâm giải, hằng không lui sụt, diệu dụng như hằng sa. Nếu từ thiện xảo phương tiện được vào thì ban đầu an nhiên ngồi mặc áo, về sau tự xem mới biết chỗ được chưa đủ mà cho là cứu cánh. Bởi ngộ chưa xong mà lầm tưởng đã xong. Như vậy hai phương tiện trên, một là sau khi được thì xem như xong, hai là được rồi sau thấy còn thiếu chưa hoàn toàn nên phải công phu nhiều nữa mới thuần thục.

Đến đây thiền sư Thanh Viễn dẫn câu nói của hòa thượng Tuyết Phong: *Chớ bảo lão tăng có một câu đến trên phần của ông, nếu có một câu đến trên phần của ông thì kham dùng làm gì?* Nghĩa là trên tâm thể của chúng ta không có một câu nói đến được, nếu được là nói cái gì chứ không phải nói chỗ tâm yếu. Vì vậy nếu có một câu nói đến thì không kham gì được. Do đó mỗi người hãy nhận nơi lời thiện tri thức mà biết được phần của mình. Đừng mong thiện tri thức chỉ đến, vì chỗ chân thật của mình không thể chỉ đến được.

**Người thời nay phần nhiều đem việc xem xét trước mắt cho là cực tặc. Sở dĩ ngài Huyền Sa nói với người: “Chỗ núi sâu vắng bặt không người, đạo của ông lại có chẳng?” Ngộ tâm thấy tánh phải như Tuyết Phong, Huyền Sa. Đạp trên đất thật phải như Nam Tuyên, Triệu Châu mới được.**

*Người thời nay phần nhiều đem việc xem xét trước mắt cho là cực tặc, nghĩa là cho cái xem xét trước mắt là công phu tột cùng, là lý cứu cánh. Vì vậy thiền sư*

Thanh Viễn mới dẫn: Sở dĩ ngài Huyền Sa nói với người: *Chỗ núi sâu vắng bặt không người, đạo của ông lại có chẳng?* Nếu cho rằng chỉ có đạo ở trước mắt, vậy trong núi sâu không người, nơi ấy có đạo không? Tâm thể trùm khắp, đâu hạn cuộc ở chung quanh chúng ta. Nếu cho rằng nó chỉ chung quanh mình thôi, đó là cái nhìn lầm lẫn. Cho nên nói nơi nào chốn nào, dù có người hay không người, ở đó vẫn có đạo. Tại sao? Vì tâm thể trùm khắp, mà tâm thể tức là đạo nên nơi nào mà chẳng có đạo. Người ngộ tâm thấy tánh phải như thiền sư Tuyết Phong, Huyền Sa. Người đạt đạo chân thật phải như thiền sư Nam Tuyền, Triệu Châu. Trong tất cả thời đều không xen hở mới là xong việc.

**Học giả thời nay chỉ lấy phương tiện của cổ nhân làm thiền đạo, không thể cùng cổ nhân đồng tham. Ví như người mạnh gánh một gánh nặng một trăm hai mươi cân, đi qua cây cầu khỉ mà chẳng run, chẳng nghiêng. Do sức gì phù trì mà được như thế? Bởi kia tinh thần thuần thực không tạp mà thôi. Kể vì đạo cũng phải như vậy. Trong kinh nói: “Ví như con sư tử chụp voi nó dùng toàn lực, chụp thỏ cũng dùng toàn lực.” Có người hỏi: “Toàn lực gì?” Đáp: “Lực chẳng đối.” Nếu thấy một mảy lông khác nơi tâm thì tự tan thân mất mạng. Cho nên người đạt đạo không có cái gì là chẳng phải, lực này rất lớn, chỉ vì vô biên ác giác xâm lấn, nên khiến lực dụng có kém. Nếu không có nhiều pháp khác, trạng khác, duyên khác, niệm khác thì tùy tâm biến chuyển tự tại vô ngại.**

*Học giả thời nay chỉ lấy phương tiện của cổ nhân làm thiên đạo. Nghĩa là khi nghe cổ nhân nói một câu, hoặc thấy một hành động nào đó liền cho là đạo, tưởng chừng mình đồng tham tức là đồng học và đồng tu với các ngài. Ví như người mạnh gánh nặng một trăm hai mươi cân, đi qua cây cầu khỉ mà chẳng run, chẳng nghiêng. Hỏi người đó tại sao có sức mạnh như thế? Bởi kia tinh thần thuần thực không tạp mà thôi. Tức là chỉ rặt ròng không có gì xen lẫn nên mới được như thế. Kẻ vì đạo cũng phải như vậy.*

Trong kinh nói, ví như sư tử muốn chụp voi phải dùng hết sức mạnh mới chụp được. Nếu nó chụp một con chuột thì sao? Thường chúng ta nghĩ chỉ dùng sức nhẹ thôi, nhưng thật ra nó cũng phải dùng toàn lực. Như vậy dù chụp voi hay chuột, nó đều dùng toàn lực. *Toàn lực gì?* *Đáp: “Lực chẳng dối.”* Tức là ngầm ý vận dụng hoàn toàn khả năng của mình, không để một sai sót nào có thể làm yếu sức mạnh toàn lực. Nếu thấy một mảy lông khác nơi tâm thì tự tan thân mất mạng.

Ở thí dụ đầu, sở dĩ người gánh nặng một trăm hai mươi cân đi qua cây cầu khỉ mà không run, không bị nghiêng là vì người đó có tinh thần thuần thực không tạp. Đến thí dụ sau, sư tử dù bắt chuột, thỏ hay voi đều phải dùng toàn lực. Người tu cũng vậy, khi đi đứng ngồi nằm, trong mọi trường hợp mỗi phút giây đều dùng toàn lực. Nghĩa là sống với tâm thể hoàn toàn, lúc nào cũng làm chủ được mình, không bị niệm khác chen vào. Nếu để niệm khác chen vào tức đã tan thân mất mạng.

Chúng ta thử nghiệm lại xem mình tu hành đã dùng toàn lực hay chưa? Toàn lực này chỉ cho tâm thể của chúng ta, đa số dùng chưa hết bán phần chứ đừng nói toàn phần. Cả ngày sống với tạp niệm, với tâm khác nên toàn lực bị yếu kém. Do đó chúng ta yếu đuối, khổ sở vì tâm lực không đầy đủ. Thiền sư Thanh Viễn nói, *lực này rất lớn, chỉ vì vô biên ác giác xâm lấn, nên khiến lực dụng có kém.*

Lực dụng của tâm thể rộng lớn thênh thang nên trong luận Đại Thừa Khởi Tín gọi là thể đại, tướng đại, dụng đại. Nó to lớn như vậy nhưng vì những ác giác, hay nói gọn hơn là vô biên vọng tưởng xâm lấn khiến cho lực dụng yếu kém. Chúng ta cứ nghĩ rằng phải suy nghĩ, tính toán mới khôn ngoan nhưng thật sự chính ngay khi không có vọng tưởng, đó mới là dùng toàn lực. Toàn lực ấy to lớn vô ngần nên diệu dụng không lường.

Niệm suy nghĩ tính toán bé nhỏ theo từng cảnh từng việc mà hiện hình. Tuy chỉ là tâm vọng tưởng mà người ta có thể chế được những thứ diệu dụng phi thường, như bom nguyên tử, phản lực cơ. Hướng nữa chúng ta sống với tâm chân thật thì lực dụng biết chừng nào. Vì vậy ở đây ngài Thanh Viễn nói rõ thêm, *nếu không có nhiều pháp khác, trạng khác, duyên khác, niệm khác thì tùy tâm biến chuyển tự tại vô ngại.* Sở dĩ mình không được tự tại vô ngại là vì bị các pháp, các trạng thái, các duyên, các niệm khác chi phối. Nếu không có các thứ này thì tâm thể chuyển biến tự tại vô ngại.

Tóm lại, không nên lượm lặt những câu, những lời của cổ nhân rồi cho đó là đạo, mà phải sống thật

với tâm thể của chính mình. Nếu sống được với tâm thể tức đã dùng toàn lực. Bằng không cứ để cho vọng tưởng chen lấn mãi, bị chi phối bởi ngoại cảnh và nội tâm, tâm lực do đó bị suy kém, mất tự do tự tại vô ngại. Cho nên người nào sống được với tâm thể rộng lớn, đó chính là người vô sự tự do tự tại.

**Đạo chẳng cần khổ cầu, cầu đó liền mất đạo. Sự không ở khổ dung, dung thì sự có. Chẳng cầu chẳng dung là đạo cùng sự hội, thì sự nào mà chẳng phải đạo. Ví như có kẻ mắt sáng vào trong kho báu mà không biết phương tiện là không có đèn đuốc soi sáng, vào trong liền bị đụng u đầu, trầy tay. Như thế gọi là hang độc, chứ chẳng phải kho báu. Người trí vào kho cầm theo đèn đuốc soi sáng, thấy các thứ báu mặc tình lượm lấy, lượm báu đi ra. Người tu trong mười hai giờ phải dùng trí sáng, chớ để sáu trần đụng chạm đến.**

**Thuở xưa thượng tọa Vĩnh cùng Từ Minh đồng từ giả Phần Dương, mà Vĩnh chưa tột chỗ diệu kia. Vĩnh theo Từ Minh hai mươi năm, trọn chưa an lạc. Một hôm, ngồi quanh lò lửa đêm khuya, Từ Minh lấy đũa gắp than, gõ trên than gọi:**

**- Thủ tọa Vĩnh!**

**Thủ tọa Vĩnh bèn quát:**

**- Dã hồ tinh.**

**Từ Minh bèn chỉ Vĩnh bảo:**

**- Kẻ khờ! Lại thế ấy đi!**

Vĩnh do phương tiện này được cứu cánh, song vẫn bảo theo nhau. Từ Minh ở đâu thường ra thưa hỏi. Những câu Từ Minh hỏi, chúng không thể đối được. Vĩnh tới Từ Minh liền gật đầu hứa khả.

Đây gọi là liều thuốc không bệnh. Học giả đương thời khó nhận được yếu chỉ kia, huống là bọn tri kiến hội giải ở đời sau, do đâu nhận lãnh được việc ấy? Được đó phải như Vĩnh, cho thuốc phải như Từ Minh thì mới nên vậy.

*Đạo chẳng cần khổ cầu vì cầu liền mất đạo.* Nếu chúng ta đi tìm đạo là đã mất đạo rồi, vì thế trong nhà thiền hay dùng thí dụ “Cưỡi trâu đi tìm trâu” là vậy. Đạo là tâm thể chân thật, vừa dấy niệm đi tìm là đã bị khuất lấp. Cho nên chỉ dừng vọng niệm, đừng cho nó chen vào thì đạo hiện tiền, chứ không đâu xa.

Sự không ở khổ dung, dung thì sự có. Người mới học đạo phải thấy các pháp là không, chẳng thật có, như vậy mới gần với đạo. Tuy thấy các pháp là không, nhưng không phải chối bỏ sự hiện hữu của nó, mà rõ biết nó giả có, không thật. Nếu không chấp nhận sự hiện hữu của các pháp, như cái bàn, cái ghế, cái nhà... đều nói không có, tưởng như vậy là tiêu dung, ngờ đâu càng chối bỏ chừng nào nó càng hiện hữu chừng ấy. Thế nên người học đạo phải biết, phải khéo tiêu dung. Lấy trí tuệ nhìn thì mình không cần tiêu dung mà nó tự tiêu dung.

Thí dụ chúng ta có một người bạn láng giềng không mấy ưa thích. Mỗi khi nhớ đến họ mình đâm ra bực bội, nên không muốn nhớ nữa. Bởi cố trốn tránh thành ra

có người đó và mình đối nghịch nhau trong tâm. Giờ đây chỉ cần nhìn thẳng vào sự thật tức thì tự nó sẽ tiêu dung. Nên nói *chẳng cầu chẳng dung là đạo cùng sự hội, thì sự nào mà chẳng phải đạo*.

Chúng ta biết rõ người cảnh đều duyên hợp, mà duyên hợp thì đâu thật. Đã không thật thì muốn nó mất để làm gì? Chỉ cần biết rõ không thật thì tự nó mất, không cần phải tiêu dung. Đó là dùng trí tuệ nhìn thẳng vào sự thật. Muốn nó mất bằng niệm trốn tránh hay tưởng tượng nó không có, thì càng muốn mất nó lại càng có. Cho nên người học đạo phải chín chắn nhìn thẳng vào sự vật để thấy sự thật. Thấy được nó hư giả thì sự hợp với đạo.

Như trong kinh Bát-nhã dạy “sắc tức thị không”, sắc là sự, không là lý. Lý ngay nơi sự, sự ngay nơi lý. Ngay nơi sự đã hiển bày lý thì còn muốn tiêu cái gì, dung cái gì? Do đó ở đây thiền sư Thanh Viễn dùng thí dụ, như người mắt sáng vào trong nhà tối nhưng không cầm theo đèn đuốc. Tuy mắt sáng mà không lấy được của báu, trở ra thân còn thêm bệnh. Thế nên kho báu trở thành hang độc. Nếu người cầm đèn đuốc, vào kho biết được chỗ nào có của báu lấy đầy túi, trở ra an lành tự tại. Đèn đuốc ở đây dụ cho trí tuệ. Có trí tuệ thì đối với đạo không tốn công lại dễ đạt. Không có trí tuệ thì nhọc nhằn mà khó tìm.

Có hai hạng người tu. Thứ nhất là theo phương pháp nào đó rồi cố gắng dụng công. Như người tọa thiền đếm hơi thở. Ngày ngồi sáu giờ đêm sáu giờ, như vậy

đêm ngày mười hai giờ. Khi ngồi cố gắng đếm hơi thở, nhớ số rõ ràng nghiêm chỉnh, nhưng vẫn không thấy người và cảnh duyên hợp như huyền. Do đó gặp việc không như ý thì vướng mắc, phiền não. Như vậy dụng công nhiều nhưng đối với đạo còn xa.

Hạng thứ hai, ngồi thiền ít hơn nhưng nhìn sự vật bằng trí Bát-nhã, thấy rõ tất cả các pháp đều do duyên hợp không thật. Biết mình giả cảnh cũng giả, nên không có việc gì bận tâm hay quyến luyến, buông bỏ một cách dễ dàng. Như vậy dụng công ít mà kết quả nhiều, bởi có trí tuệ. Từ đó chúng ta thấy rõ kết quả sự tu hành qua thí dụ người cầm đèn sáng vào kho báu và người không cầm đèn vào kho báu.

Có người bảo nói cái gì cũng không là chấp lý bỏ sự, không ngờ trong suốt bốn mươi chín năm đức Phật thuyết pháp, ngài đã dành hai mươi hai năm nói kinh Bát-nhã. Như vậy để thấy thời gian Phật nói kinh Bát-nhã tối quan trọng, nhằm chỉ cho chúng sanh nhận được đường lối tu hành, tức là sống với trí tuệ. Có trí tuệ mới gần với đạo.

Chúng ta hãy kiểm nghiệm xem mình có trí tuệ chưa? Ngày đêm sáu thời tụng kinh hoặc ngồi thiền mà không quán chiếu, tuy có công phu nhưng gặp cảnh thuận dễ xao xuyến, gặp cảnh nghịch dễ sanh phiền não. Trái lại, nếu mỗi ngày gặp việc, mỗi lúc đối cảnh chúng ta đều dùng trí Bát-nhã để quán chiếu thì sẽ ít phiền não, tâm an ổn. Đó là sự thật.

Thiền sư Thanh Viễn dẫn câu chuyện của thủ tọa Vĩnh và ngài Từ Minh, cả hai đều là đệ tử của thiền sư Thiện Chiêu. Ngài Từ Minh đã ngộ đạo còn thủ tọa Vĩnh vẫn chưa ngộ. Khi ngài Từ Minh đi các nơi hoằng hóa, thủ tọa Vĩnh cũng đi theo. Ngót hai mươi năm như vậy vẫn chưa ngộ đạo triệt để. Vào một buổi tối mùa đông, các ngài ngồi quanh lò sưởi, thiền sư Từ Minh lấy đũa sắt gắp than rồi chỉ hòn than gọi: “Thủ tọa Vĩnh!” Tưởng ngài Từ Minh nói đùa nên thủ tọa Vĩnh liền nói: “Đã hồ tinh!” Từ Minh bảo “Kẻ khờ!” là chê thủ tọa Vĩnh chưa giải quyết xong việc của mình, chưa thấy đạo cứu cánh nên gọi kẻ khờ. Từ Minh nói tiếp “Lại phải thế ấy đi”, thủ tọa Vĩnh ngay đó liền ngộ.

Qua câu chuyện trên chúng ta thấy ngài Từ Minh dạy phải thấy đạo bằng trí tuệ, đừng thấy bằng niềm tin, thấy bằng trí tuệ sẽ được an lạc. Cũng vậy, nếu chúng ta đến với đạo bằng niềm tin, nghĩa là tin Phật tin Pháp tin Tăng, rồi cố gắng y theo đó tu thì phước tuy có nhưng đạo lại khó gần. Người biết dùng trí tuệ, nhân nơi Phật pháp nhận được cái sẵn có của mình. Bao nhiêu kinh Phật lời tổ đều chỉ lẽ thật đó. Khi thủ tọa Vĩnh nhận ra ý chỉ của ngài Từ Minh, biết và hằng sống với trí tuệ của mình. Về sau ngài Từ Minh hỏi câu nào, đại chúng đáp không được, riêng thủ tọa Vĩnh nói ngài đều gật đầu.

Người sống được với trí tuệ chân thật thì đi đứng nằm ngồi đều hợp với đạo, chưa cần nói đã hợp rồi. Chúng ta vào đạo với niềm tin hay trí tuệ? Tin Tam bảo là có phước, tụng kinh niệm Phật là có phước,

cúng dường là có phước. Đó là vào đạo bằng niềm tin chứ không bằng trí tuệ. Cho nên khi đã học hiểu, chúng ta phải dùng trí tuệ mở sáng con mắt của mình, chỉ có trí tuệ mới phá tan được phiền não.

Nếu chúng ta chỉ biết lấy công phu tụng kinh nhiều, niệm Phật lắm là có phước, mà không biết dùng trí tuệ để quán chiếu ngôn ngữ hư giả, người cảnh hư giả thì gặp việc trái ý rất dễ nổi sân. Thấy sự việc, thấy người thấy mình đều thật thì khó tu vô cùng. Muốn tu giải thoát phải đặt trí tuệ lên trên. Trong Lục độ, tuy trí tuệ được kể sau hết nhưng nó trùm cả năm độ kia. Như bố thí mà thiếu trí tuệ thì bố thí không thành ba-la-mật, trì giới mà thiếu trí tuệ thì trì giới cũng không thành ba-la-mật v.v... Đã học đạo giác ngộ mà thiếu trí tuệ thì làm sao giác ngộ. Chính trí tuệ mới cởi bỏ được tất cả phiền não và đưa chúng ta đến chỗ hoàn toàn giác ngộ. Cho nên thiền sư Thanh Viễn nói *được đó phải như Vĩnh, cho thuốc phải như Từ Minh*. Nghĩa là biết người chưa được, còn đang nghi ngờ thì phải tạo phương tiện làm sao cho người sạch hết nghi ngờ.

**Ở chỗ ồn được lặng thì chợ xóm biến thành núi rừng, phiền não biến thành Bồ-đề, chúng sanh thành Chánh giác. Câu nói này người mới học đạo đều nói được hiểu được, có một thứ thấy biết bình đẳng, đến khi buông tâm thì phàm thánh vẫn là hai như xưa, cái dụng giữa lặng và động khác nhau. Thế là càng biết rõ giải hội này cần phải có chỗ an ổn mới được một vị, không nên gắng hội.**

*Ở chỗ ồn được lặng thì chợ xóm biến thành núi rừng, phiền não thành Bồ-đề, chúng sanh thành Chánh giác. Câu nói này người mới học đạo đều nói được hiểu được, có một thứ thấy biết bình đẳng, đến khi buông tâm thì phàm thánh vẫn là hai như xưa, cái dụng giữa lặng và động khác nhau.*

Câu nói này chúng ta vẫn thường nghe, như mình ở chỗ vắng vẻ tu, có người bảo: “Cần gì phải ở nơi vắng vẻ, ở chợ tu được mới hay. Ở chợ mà không động tâm mới là thật tu. Như vậy phiền não tức Bồ-đề, chúng sanh tức Chánh giác. Trên núi mà tu thì có gì hay.” Nói câu này nghe cũng được, nhưng thực hiện được hay không lại là một việc khác.

Chỗ này chúng ta thử nghiệm sẽ thấy rõ ràng. Chẳng hạn khi ngồi một mình ở chỗ lặng lẽ dụng công phu, thấy có chút an lạc. Sau đó, năm bảy huynh đệ đến chơi ngồi nói chuyện. Tuy ta không nói nhưng giữa chốn ồn ào ấy, mình không còn an như trước. Đây là đồng một cảnh, mà khi không người đã khác với nhiều người rồi, huống nữa ở giữa chợ có biết bao nhiêu chuyện. Ai cũng có thể nói nhưng chưa hẳn đã làm được.

*Thế là càng biết rõ giải hội này cần phải có chỗ an ổn mới được một vị, không nên gắng hội. Hội đây nghĩa là hiểu, ngộ. Người giải hội do học hoặc nghe thiện tri thức nhắc nhở mà lãnh hội được, cần phải có một cảnh an ổn lâu dài mới thuần nhất. Đó là sự thật thiền sư Thanh Viên muốn nhắc nhở chúng ta, phải thấy một cách chắc thực không lầm lẫn. Đa số chúng ta có bệnh*

hiểu được chút ít tướng mình đã xong, nhưng khi gặp việc thì những cái hiểu lúc trước biến đâu mất, vì chưa hoàn toàn sống với tâm thể chân thật.

**Gần đây nhiều người lấy vấn đáp làm gia phong thiền gia, chẳng rõ việc của người xưa, một bề chạy theo ngọn ngành không biết trở lại, thật là quái lạ! Người xưa vì mê mà hỏi, chỗ hỏi cầu chứng nhập, được một lời, nửa câu, đem làm việc nghiên cứu phát minh khiến cho thấu triệt, không giống người thời nay hỏi loạn, đáp bừa rồi cười đùa.**

Có nhiều người đến hỏi đạo nhưng không vì đạo. Họ chỉ hỏi để mà hỏi hoặc hỏi để đùa chơi. Thành ra việc hỏi đạo thật vô ích. Chỗ này người xuất gia chúng ta phải cẩn thận. Khi trả lời người hỏi đạo cần biết câu nào nên đáp, câu nào không nên đáp. Giả sử người đến hỏi đạo để hơn thua, chúng ta nên im lặng, chịu làm kẻ dốt. Nếu hỏi để đùa chơi thì chúng ta càng nên dốt hơn nữa. Chỉ trả lời cho những người hỏi vì muốn giải nghi ngờ để tu hành.

**Kẻ đạt giả trong mười hai giờ học đạo không có một khoảnh khắc bỏ phế, người này dù chưa được vào, mà mỗi niệm đã là tu hành. Tâm thường nói tu hành, chẳng qua ba nghiệp, sáu căn thanh tịnh. Thiền môn không thể như thế. Vì sao? Vì môn thiền định, niệm niệm cùng trí ba-la-mật bình đẳng, tất cả chỗ tự không lỗi lầm, hằng lâu bỗng có ngày tâm địa thông suốt, từ trước thấy được đầy đủ, gọi là nhất hạnh tam-muội. Người thời nay toàn là**

**sức định, lại chẳng mở con mắt trí tuệ, có những cơ duyên ngữ cú, chỉ thành tranh luận, tâm hành sanh diệt.**

*Kẻ đạt giả trong mười hai giờ học đạo không có một khoảnh khắc bỏ phế, người này dù chưa được vào, mà mỗi niệm đã là tu hành.* Người học đạo trong mười hai giờ phải luôn luôn cần mẫn không buông bỏ, tức hằng làm chủ được tâm mình. Chúng ta trong mười hai giờ, tu ba giờ bỏ chín giờ, thậm chí loạn luôn hết mười hai giờ.

*Tâm thường nói tu hành, chẳng qua ba nghiệp, sáu căn thanh tịnh.* Lâu nay chúng ta tu cốt giữ cho ba nghiệp, sáu căn được thanh tịnh là trên hết. Nhưng trong nhà thiền không chấp nhận điều đó. Tại sao?

Bởi vì *môn thiền định, niệm niệm cùng trí ba-la-mật bình đẳng, tất cả chỗ tự không lỗi lầm.* Hiện giờ chúng ta tu môn thiền định là mỗi niệm đều bình đẳng với trí ba-la-mật. Cho nên không chỉ thanh tịnh sáu căn là được, không chỉ thanh tịnh ba nghiệp là xong. Bởi ba nghiệp sáu căn thanh tịnh mới chỉ có định chứ chưa có tuệ. Trí tuệ bình đẳng là trí tuệ nhận được tâm thể lặng lẽ nhất như. Sống được với tâm thể đó thì khi nhìn cảnh, nhìn người đều thấy tất cả là tướng duyên hợp hư giả. Nghĩa là nơi nào cũng không lỗi lầm vì nơi nào cũng có tâm thể bình đẳng. Nếu chúng ta sống được với trí ba-la-mật, mỗi niệm phù hợp với trí ba-la-mật bình đẳng trong thời gian dài thì có ngày tâm địa thông suốt, từ trước thấy được đầy đủ,

*gọi là nhất hạnh tam-muội. Do đó, chỉ một hạnh này mà đầy đủ tất cả chánh định.*

*Người thời nay toàn là sức định, nghĩa là chỉ cố giữ cho ba nghiệp, sáu căn thanh tịnh. Lại chẳng mở con mắt trí tuệ, có những cơ duyên ngữ cú, chỉ thành tranh luận, tâm hành sanh diệt. Gần đây có những người học đạo mà đạo không thông, pháp tu chưa chứng, nghe người tu pháp khác thì lại bác họ. Thí dụ người tu Tịnh độ bác người tu Thiền, người tu Thiền bác người tu Tịnh độ. Đó là chỉ trích trên tâm hành sanh diệt, chứ không có con mắt trí tuệ.*

Người có con mắt trí tuệ thông suốt phải lo giải quyết cho xong việc của mình, thời giờ đâu đi công kích người. Chẳng hạn hiện chúng ta đang tu thiền, nghe nói có vị tu tịnh độ hay trì chú hoặc tu thoại đầu, khán công án v.v... chúng ta công kích họ. Vì lo công kích người nên không có thì giờ tu cho mình. Phải tìm cách lý luận làm sao hơn người, thế là càng công kích càng xa với đạo. Người biết đạo thì tự xoay lại giải quyết cho xong việc mình. Sau đó sẵn sàng giúp đỡ những người muốn đi theo con đường của mình. Chúng ta phải tôn trọng tự do của người, đừng bắt người theo mình, đó là tật xấu của những người chưa hiểu đạo.

Ngày trước tôi cũng là một nạn nhân bị công kích. Có một vị sư nghe nói tôi tu thiền nên đến thăm. Gặp nhau nói vài câu chuyện, vị đó hỏi:

- Thầy dạy tu thiền, vậy có dạy niệm Phật không?

Tôi thật thà đáp:

- Chủ trương của tôi dạy môn nào một môn thôi. Một mình ôm nhiều môn quá, e làm không xong. Cho nên tôi chỉ dạy một môn tu thiền, còn niệm Phật đã có quý hòa thượng khác dạy.

Vị ấy nói:

- Tu thiền mà không niệm Phật thì không bao giờ đạt đạo. Tu thiền mà niệm Phật nữa thì như cọt mọc sừng.

Xong vị ấy lại dẫn trong kinh nói:

- Người tu thiền như con kiến từ dưới đất bò lên núi. Người niệm Phật như chiếc thuyền có buồm xuôi gió thuận nước, giương buồm lên là chạy đến nơi. Vì vậy tu niệm Phật mới được.

Tôi hỏi:

- Thầy thấy lời đó trong kinh nào nói?

Vị sư kia ngần ra vì không biết kinh nào.

Thế gian có nhiều chuyện lạ đời, trong đạo cũng giống như vậy. Chính mình không hiểu việc mình đang làm có được hay không, vậy mà nghe nói ai làm khác hơn thì chống lại. Pháp môn của mình vẫn chưa nắm vững mà đi công kích người khác. Rõ ràng là người không có con mắt trí tuệ.

**Thiền học chẳng phải việc nhỏ, chưa có cái dụng siêu Phật vượt tổ, được rồi muốn siêu việt cũng chẳng khó. Cao Bưu Tôn Thừa Vụ biên thư**

**hỏi tôi: “Chẳng rời ý tưởng, chẳng ở có không, thế nào là phải?” Tôi đáp: “Nếu hỏi thế nào thì chẳng phải, không hỏi thế nào cũng chẳng phải.” Khách say bưng tỉnh thì thân châu tự sẵn đủ, đâu có thể dự tính làm rồi sau mới nhận. Người lanh lợi bậc nhất, tìm tòi chẳng đến một niệm này, khó được tự thấy, thấy đó tức phải, không riêng có lối tẽ. Tâm thường cho niệm trước là phải, lấy niệm sau soi đó, trước sau đuổi nhau, lấy tâm dụng tâm, tâm ắt thành cảnh. Cái nguyên tắc buổi đầu đã thành tâm cảnh rồi, lần lượt lại chẳng kham.**

Thiền sư Thanh Viễn nói thiền học là một việc lớn. Khi đạt đạo rồi thì có cái dụng siêu Phật vượt tổ cũng không khó. Chỗ này nghe như kiêu mạn vì như vậy chúng ta siêu vượt hơn Phật tổ hay sao? Thật ra nói siêu Phật vượt tổ là khi chúng ta sống được với tâm thể, tự có đầy đủ những diệu dụng siêu thoát không khó khăn. Người chưa sống được với tâm thể mà muốn có dụng siêu thoát là việc vô lý.

Nên biết có hai hạng người tu: Một là chạy theo ngọn, hai là trở về gốc. Hạng thứ nhất, khi nghe Phật tổ, các vị A-la-hán tu hành chứng tam minh, lục thông, họ cũng thích có thần thông như bay được, biết tâm người khác v.v... Họ cho những thứ đó là siêu việt. Đây là người căn cứ trên ngọn mà tu, vì Phật nói thần thông diệu dụng chỉ là dụng của tâm thể.

Hạng thứ hai, khi sống được với tâm thể thì những thần thông diệu dụng kia không cầu mà tự có. Trái lại,

chưa sống được với tâm thể mà cầu thần thông thì dễ lạc vào đường tà. Bởi ma cũng có thần thông, khi biết chúng ta muốn thấy Phật nó sẽ hiện Phật, muốn bay nó sẽ làm cho mình bay v.v... Chúng ta làm sao biết việc ấy là chánh hay tà. Nhiều người tu thiền bị điên cuồng vì họ mong có thần dụng. Chúng ta trở về gốc tức là trở về với tâm thể lặng lẽ thênh thang thì vô lượng diệu dụng sẽ tự đầy đủ, không gì có thể quyến rũ hoặc làm mình rơi lạc.

*Cao Bưu Tôn Thừa Vụ biên thư hỏi tôi: “Chẳng rời ý tưởng, chẳng ở có không, thế nào là phải?” Tôi đáp: “Nếu hỏi thế nào thì chẳng phải, không hỏi thế nào cũng chẳng phải.”* Dù ông có hỏi thế nào đi nữa đều chẳng phải, chẳng hỏi thế nào cũng chẳng phải. Thí dụ, chúng ta đang ngồi trong lớp học, ai cũng nhìn thấy trên bàn giảng có một ly nước. Tôi hỏi huynh đệ có thấy ly nước không? Huynh đệ nào mắt sáng nhìn lên bàn đều thấy. Có một vị hỏi lại “Cái ly đó phải ly nước không?” Như vậy huynh đệ ấy chưa thấy hoặc thấy chưa rõ ly nước. Cũng thế, hỏi tu thế nào tức là chưa phải, không hỏi tu thế nào cũng chưa phải. Bởi thế nào hay không thế nào đều là hai bên, còn hai bên tức còn đối đãi. Lại, hỏi phải hay chẳng phải là còn nghi ngờ chưa quyết định, há có thể đúng được sao?

*Khách say bưng tỉnh thì thần châu tự sẵn đủ,* câu này lấy ý trong phẩm Thí Dụ của kinh Pháp Hoa. Có một người nghèo tới thăm bạn, hai người uống rượu với nhau. Người bạn giàu có việc đi gấp, muốn tặng hạt châu cho người bạn nghèo, nhưng thấy bạn của mình say quá,

đành lấy hạt châu cột trong chéo áo. Thời gian sau gặp lại, thấy người bạn nghèo vẫn lang thang đói khổ nên nói, tôi đã cho anh hạt châu cột trong chéo áo, tại sao anh không đem ra dùng? Do đó nói, *khách say bưng tỉnh thì thân châu tự sẵn đủ*. Người tu thiền chỉ cần nhận ra kho báu của mình thì cái gì mà chẳng đủ. Đâu cần hỏi phải hay chẳng phải. Vì hỏi phải chẳng phải là còn nghi ngờ, chưa nhận mình có hạt châu.

Thế nên đâu có thể dự tính làm rồi sau mới nhận, vì hạt châu vốn sẵn. Chúng ta không phải làm việc này việc kia xong mới nhận ra hạt châu. Cũng như không thể nói tu hành phải trải qua mười năm, hai mươi năm mới nhận ra tâm yếu. Có những người đang là kẻ thế tục, chỉ cần nghe một câu nói cũng có thể nhận ra liền. Nên nhớ không phải do công phu nhiều mà chính là khéo nhận, nói cách khác là cần phải có trí tuệ Bát-nhã.

*Người lanh lợi bậc nhất, tìm tòi chẳng đến một niệm này, khó được tự thấy, thấy đó tức phải, không riêng có lối tẽ*. Dù cho người lanh lợi nhất thế gian, muốn suy nghĩ cho ra tâm thể cũng không bao giờ tìm được. Cho nên trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói: “Giả sử cả thế giới này có bao nhiêu người thông minh trí tuệ như Xá-lợi-phất, cộng lại cũng không suy lường được trí tuệ của Phật.” Câu nói đó có ẩn ý, chúng ta cứ tưởng trí tuệ của Phật cao lắm nên cộng bao nhiêu người lại cũng không bằng. Không ngờ lỗi tại mình suy nghĩ, càng suy nghĩ càng không thấy. Thành ra được trí tuệ như ngài Xá-lợi-phất là ít có, cộng hết cả những người trong thế gian này có trí tuệ bằng ngài vẫn không suy lường được

trí tuệ Phật. Vậy nên người lanh lợi nhất thế gian muốn tìm kiếm niệm này cũng không được. Chỉ có người thấy đó tức phải, không riêng có lối tẽ. Nghĩa là khi nhận ra được tâm thể thì há còn lối nào khác hơn nữa.

*Tâm thường cho niệm trước là phải, lấy niệm sau soi đó, trước sau đuổi nhau, lấy tâm dụng tâm, tâm ắt thành cảnh.*

Bình thường cho niệm trước là phải rồi lấy niệm sau soi niệm trước, cứ lấy cái này soi cái kia. Thí dụ, khi chưa dấy niệm ta cho đó là tịnh, lúc dấy niệm ta cho đó là động. Lấy cái động để soi cái tịnh thì cái tịnh đã thành cảnh bị soi. Như vậy, niệm sau là niệm hay soi, niệm trước là cảnh bị soi. Cho nên tâm biến thành cảnh, tức đã có hai. Do đó trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ bác quán tịnh. Chỉ cần biết ngay niệm khởi là hư giả, không cần phải tìm niệm trước. Nếu lấy tâm dụng tâm, tâm ắt thành cảnh.

*Cái nguyên tắc buổi đầu đã thành tâm cảnh rồi, lần lượt lại chẳng kham. Vì khi đã thành tâm thành cảnh, tức đã thành hai thì làm sao dứt được.*

**Như hiện nay niệm sau chẳng nhận, tự không có chỗ khởi diệt, chính nơi đó là giải thoát. Niệm vốn chẳng sanh, sao lại có ý tưởng có không làm lưu ngại? Một niệm ngộ tâm liền thành chánh giác, chính là nói nơi đây vậy. Niệm niệm không sanh, niệm niệm không tướng đồng với hư không. Chạm vật gặp duyên đều là diệu dụng Phật. Không có mảy tơ đối đãi. Hạt châu trong chéo áo, riêng soi sáng**

**khắp thế giới mười phương. Việc này mục kích liền rõ, chẳng đợi dấy ý, sau rồi mới biết. Sự nghiệp đại trượng phu này không thể chẳng thành tựu. Nếu muốn cầu phải, liền có pháp chẳng phải làm chướng ngại; muốn cầu đắc niệm, là lý do trước sau đều thất niệm. Ngày đêm không tự tại, muốn hợp đạo cũng không có mảy nào để hợp, càng gấp càng không hợp, bệnh tại chỗ lấy một bỏ một. Không khéo dụng tâm chẳng được yếu thuật, mờ mịt không hiểu, mỗi ngày cách đạo càng xa.**

Đoạn này thiên sư Thanh Viễn chỉ cho chúng ta yếu thuật của sự tu. Chỗ này cần thấy rõ, nhận kỹ thì việc tu mới thành thoi và mau tiến.

*Như hiện nay niệm sau chẳng nhận, tự không có chỗ khởi diệt, chính nơi đó là giải thoát. Sao gọi là niệm sau? Niệm trước chúng ta không nhớ, niệm vừa muốn dấy lên khởi nghĩ gọi là niệm sau. Nếu mình không theo thì tự nó mất, vì vậy không có chỗ khởi cũng không có chỗ diệt, chính nơi đó là giải thoát.*

*Niệm vốn chẳng sanh, sao lại có ý tưởng có không làm lưu ngại? Khi chúng ta thấy rõ niệm dấy lên là không thật, mình không theo thì tự nó tan hoại. Như vậy cần gì phải khởi ý tưởng cái đó có hay không, sanh ra trở ngại.*

*Một niệm ngộ tâm liền thành chánh giác, chính là nói nơi đây vậy. Một niệm ngộ tâm là gì? Tức là vọng niệm dấy lên ta biết ngay nó là giả, không theo để sống với cái thật. Chỗ này chúng ta thường nghe nhưng ít ai*

để ý nên không thấy quan trọng. Mê tâm là quên cái thật chạy theo cái giả, quên tâm chân thật chạy theo vọng tưởng.

Thử xét coi trên thế gian này có bao nhiêu người không chấp nhận vọng tưởng là tâm mình? Thường chúng ta hay nói tôi nghĩ thế này, tôi tính thế kia v.v... xác nhận cái nghĩ cái tính đó là mình. Suy nghĩ là tôi thì tâm chân thật kia là của ai? Do mê tâm nên chấp nhận cái hư vọng là mình thì tâm thể kia không bao giờ biết đến. Hãy nhìn kỹ lại xem ông bà, cha mẹ mình có giây phút nào không mê tâm chẳng? Nếu chưa học đạo thì người nào cũng vậy, cứ cho những suy nghĩ là mình rồi theo con đường đó suốt từ đời này đến đời kia. Cho nên ngộ tâm là trở về tánh giác chứ không có gì lạ.

Chánh giác không phải là giác cái này, cái kia ở bên ngoài. Chánh giác là ngay nơi cái lầm tưởng của mình, bây giờ biết rõ nó chỉ là chú hề, là giả, không theo nó tự nhiên trở về cái chân thật. Trở về cái chân thật gọi là ngộ đạo. Thường chúng ta không quan trọng kiểu ngộ này, cứ nghĩ ngộ là phải bùng sáng, có trí tuệ biết tất cả mọi việc. Chỉ mong kiểu ngộ đó mà không chịu nhận chỗ ngộ này. Song cái ngộ này đâu phải dễ thấy. Từ lúc sanh ra đến giờ có ai thấy được không? Nếu chưa học đạo, chúng ta đều cho cái nghĩ tính là mình, có ai dám nói nó không phải là mình.

Khi thấy rõ nó chỉ là bóng dáng, không phải thật mình, tự nhiên nó hết và “ông chủ” hiện tiền. Nếu chúng ta gan dạ chấp nhận tất cả những suy nghĩ là bóng dáng,

không thật thì chắc rằng nhiều người ở chung một nhà cũng không phiền não. Người hiểu đạo rồi thì cả ngày lo làm việc của mình, có rảnh rỗi đâu mà ngồi nói hơn nói thua, nói phải nói quấy, chuyện người này người kia. Thành ra biết tu thì sống bao nhiêu người cũng êm đềm, cũng đạo vị.

Hiểu như vậy mới thấy sự tu có lợi ích thiết thực, còn không thì thấy tu làm sao mà ba năm, bảy năm rồi vẫn còn sân. Cứ chấp cái nghĩ của mình là đúng, nhưng chính cái nghĩ đó thay đổi luôn luôn, bây giờ phải, lát nữa lại không phải. Ngay suy nghĩ của mình mà buổi sáng thấy đúng chiều lại sai, hướng là với người khác. Thế mà mỗi khi nghĩ ra điều gì, ta thường cho nó là chân lý rồi bắt người khác tuân theo, nếu người không theo ta liền nổi sân. Chuyện đó thật là vô lý, không có đạo đức. Đạo đức là trở về cái chân thật, không chạy theo mê để tỉnh. Chẳng lẽ tu hành lại chịu mê suốt đời hay sao?

*Niệm niệm không sanh, niệm niệm không tướng cùng với hư không đồng. Chạm vật gặp duyên đều là diệu dụng Phật.* Đã không sanh sao nói niệm niệm? Nói niệm niệm tức có sanh rồi. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói bài kệ đối lại thiền sư Ngọa Luân. Ngọa Luân cho rằng khi đối cảnh tâm không khởi suy nghĩ, Tổ nói hằng suy nghĩ. Khi chúng ta mới tu tâm chưa lặng vì vẫn còn niệm, nhưng niệm dấy lên mình đều biết nó là bóng dáng không thật thì có chỗ nào sanh, chỗ nào diệt. Vì vậy nói niệm niệm không sanh,

niệm niệm không diệt, niệm niệm không tướng. Bởi niệm là bóng dáng nên không có thật tướng, tức là rỗng rang đồng với hư không, là trở về tâm thể. Đã trở về với tâm thể thì khi chạm vật, gặp duyên liền dấy lên diệu dụng.

Thiền sư Ma Cốc cùng thiền sư Nam Tuyên và thiền sư Quy Tông ghé quán uống nước. Bà già nấu một bình trà, bưng ba chén chung đến hỏi:

- Hòa thượng nào có thần thông thì uống trà?

Ba ngài nhìn nhau chưa nói câu nào, bà già liền bảo:

- Xem kẻ già này trình thần thông đây.

Nói xong bà nghiêng bình rót trà vào chung, rồi đi.

Như vậy nếu chúng ta hằng thấy niệm là không sanh, không tướng thì niệm đó đồng với hư không, là tâm thể rỗng rang. Khi sống được với tâm thể đó thì cái gì dấy lên cũng là diệu dụng. Vì vậy ông Bàn Uẩn nói “Thần thông cùng diệu dụng, gánh nước bữa củi tài”, nghĩa là gánh nước bữa củi đều là đạo. Cho nên đâu phải không niệm mới là đạo. Chính mỗi niệm dấy lên, biết nó không thật là sống với đạo.

Do đó *không có mảy tơ đối đãi*. Không sanh, không tướng thì lấy gì đối đãi. Sở dĩ chúng ta có niệm thiện niệm ác, nghĩ tốt nghĩ xấu vì chấp nhận nó là thật nên thấy có đối đãi. Giờ đây biết rõ nó không thật thì còn gì đối đãi.

*Hạt châu trong chéo áo, riêng soi sáng khắp thế giới mười phương.* Hạt châu này dụ cho tâm thể. Tất cả

chư Phật ra đời vì một đại sự nhân duyên là khai thị chúng sanh nhận ra được tâm thể của chính mình. Vì vậy mỗi niệm dấy lên, chúng ta biết rõ nó là bóng dáng sáu trần không thật, không chạy theo thì tâm thể rộng thênh thang. Đó là hạt thần châu tự hiện bày.

*Việc này mục kích liền rõ, chẳng đợi dấy ý, sau rồi mới biết.* Tức là ngay đó nhận ra không phải suy nghĩ gì nữa.

*Sự nghiệp đại trượng phu này không thể chẳng thành tựu.* Nếu nhận ra được như vậy là thành tựu sự nghiệp của đại trượng phu.

*Nếu muốn cầu phải, liền có pháp chẳng phải làm chướng ngại,* tức là khi hỏi phải thì đã có cái không phải ngăn che.

*Muốn cầu đắc niệm, là lý do trước sau đều thất niệm.* Thí dụ muốn làm cho niệm yên, vừa nghĩ đã bị cái niệm yên làm loạn rồi. Cho nên không cần nó yên, chỉ biết nó hư giả không thật, không theo thì nó tự yên. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ đâu chẳng nói niệm dấy lên liền giác, giác liền là Phật. Như vậy một niệm dấy lên mình giác thì thành một ông Phật. Ngàn niệm dấy lên đều có giác thì thành ngàn ông Phật. Cho đến hàng hà sa số niệm dấy lên đều có giác thì thành hàng hà sa số ông Phật. Vì vậy không sợ niệm khởi chỉ sợ giác chậm. Giác thì niệm tự hết. Niệm hết tức trở về tâm thể.

*Ngày đêm không tự tại, muốn hợp đạo cũng không có mảy nào để hợp, càng gấp càng không hợp.* Thường chúng ta tu hay bấn khoăn làm sao hợp với đạo nhưng đạo ở đâu mà hợp? Nếu đòi hợp với đạo thì đạo là một cái khác rồi. Nhưng đạo chính là mình thì hợp cái gì? Chỉ không theo vọng thì đạo hợp, càng cầu hợp thì càng xa với đạo.

*Bệnh tại chỗ lấy một bỏ một, tức là lấy chân bỏ vọng.* Đa số chúng ta thường than thở tu mà vọng hoài thật là khổ nên muốn cầu chân để hết vọng. Bây giờ chỉ ngay nơi vọng, biết thể vọng vốn là chân, vậy cầu chân làm gì? Càng cầu càng khổ lại không có chỗ được. Thành ra kẻ *không khéo dụng tâm chẳng được yếu thuật, mờ mịt không hiểu, mỗi ngày cách đạo càng xa.* Yếu thuật ở đây là không theo vọng tưởng, cũng không theo chân. Khi đi đứng nằm ngồi, vừa dấy niệm liền biết nó là bóng dáng không thật. Chỉ cần lặng lẽ biết chứ không theo thì tự nó hết. Đây là yếu thuật đơn giản mà kết quả lại rất tốt.

**Nếu an tọa tinh thần, chẳng nhọc tự biện biệt.  
Đại sư Đạt-ma bảo ông Dương Huyền Chi rằng:**

**Cũng chẳng bỏ trí mà gần ngu,  
Cũng chẳng bỏ mê mà đến ngộ.  
Đạt đại đạo chừ quá lượng,  
Thông Phật tâm chừ vượt bậc.  
Chẳng cùng phạm thánh đồng hành,  
Siêu nhiên gọi đó là Tổ.**

Dương Huyền Chi hỏi thế nào là đạo? Tổ Đạt-ma đáp *chẳng bỏ trí mà gần ngu, chẳng bỏ mê mà đến ngộ*. Vì có trí có ngu là có hai, có mê có ngộ cũng là hai. Chỉ ngay cái ngu mà biết ngu là trí, ngay cái mê biết mê là ngộ. Người biết được như vậy thì đạt đại đạo. *Thông Phật tâm chừ vượt bậc*, người nào thông đạt Phật tâm tức đã vượt bậc. *Chẳng cùng phàm thánh đồng hành*, tức là vượt lên hai đầu phàm thánh, người được như vậy gọi đó là Tổ.

**Chẳng chấp bỏ một bên đến một bên, phải biết rõ ràng rành rẽ, rõ ràng tác dụng, nhận thẳng hội lấy, chuyển phàm thành thánh, điểm sắt thành vàng. Cần yếu được lối tắt, không thể chẳng như thế mà nghiên cứu. Chỉ e người người chạy theo hai đầu, một đã chẳng thành, hai lại chẳng phải. Chẳng biết huyền chỉ, luống nhọc niệm tịnh. Nhị thừa do đoạn phiền não mà được chứng đạo, gọi là tu thiên lệch. Chẳng bằng ứng niệm liền hóa thành vô thượng, hiểu biết ấy rất chóng.**

Chúng ta tu chẳng nên bỏ một bên đến một bên, nghĩa là đừng cho đây là vọng để tìm chân, đây là mê để tìm ngộ. Chỉ ngay nơi vọng biết chân, ngay nơi mê biết ngộ. *Phải biết rõ ràng rành rẽ, rõ ràng tác dụng, nhận thẳng hội lấy, chuyển phàm thành thánh, điểm sắt thành vàng*. Phải biết rõ ràng rành rẽ chỗ đó, biết tác dụng, nhận thẳng nơi đó, hội lấy nơi đó, đừng tìm ở đâu khác. Được như vậy thì chuyển phàm thành thánh, điểm sắt biến thành vàng, diệu dụng vô ngân.

*Cần yếu được lối tắt, không thể chẳng như thế mà nghiên cứu*, nghĩa là đừng chạy theo hai bên, chỉ mong được lối thẳng tắt mà tu. Cho nên chỉ e người chạy theo hai đầu, một đã chẳng thành, hai lại chẳng phải. Nếu chạy theo hai đầu, bỏ vọng cầu chân, chân không thành chân, vọng cũng không hết. Như vậy một không thành, hai chẳng phải, cái nào cũng không xong. Lối tu này hơi khó. Nhiều người nói tu phải có đối đãi như tốt trị xấu, thiện trị ác v.v... nhưng cách đó dành cho người sơ cơ trong bước đầu, còn đến chỗ cứu cánh mà dùng như vậy là bệnh.

Chúng ta tu theo đạo Phật là cầu thoát khỏi sanh tử, cho nên thiền sư Thanh Viễn dẫn lời tổ Tăng Xán trong bài Tín Tâm Minh: “Chẳng biết huyền chỉ, luống nhọc niệm tịnh.” Nghĩa là người không biết được yếu chỉ mâu nhiệm này, cứ nhọc nhớ về tịnh thì càng nghĩ tịnh lại càng không tịnh. Vì tịnh là cái không suy nghĩ, vừa suy nghĩ là động rồi.

Hàng Nhị thừa cho rằng dùng phương tiện đoạn được phiền não là chứng đạo, mà không biết còn phiền não để trừ tức còn có hai. Cho nên được đạo chỉ là đạo một bên, chưa phải cứu cánh. Chẳng bằng ứng niệm liền hóa thành vô thượng, nghĩa là dù dấy lên niệm tốt xấu, thiện ác v.v... mà ngay đó chúng ta tỉnh giác thì niệm biến thành chân. Hiểu biết ấy rất chóng, người được như vậy rất mau. Đó là yếu thuật từ trước tới nay thiền sư nào cũng nói đến, vậy mà chúng ta lại coi thường điều này.

**Người tu hành khi gặp phiền não khởi thì phải làm sao? Cổ nhân nói: Chỉ dùng chánh tri kiến trị nó. Tôi thì chẳng thế, chỉ dùng phiền não trị nó. Nhìn lại phiền não này, liền chẳng thấy có phiền não. Tại sao? Phiền não không thể lại trị phiền não. Như lửa không thể tự đốt lửa, nước lại chẳng ướt nước, vì thể tánh đồng một, không thể được hiện bày. Đây rõ vọng tưởng vốn không, chẳng cần trừ dẹp. Nếu khởi trí đoạn trị, dè bẹp, lại thành dụng tâm khác. Có đối đãi là bị hai cảnh lôi quanh, dù có được cũng cong vạy phần hạn. Người tu hành phải đi đường thẳng tắt là trên hết. Cổ nhân nói: Kiếp hỏa từng đem không hơi thổi, chẳng nhọc công lực liền đó hết. Đó là ý này vậy.**

Cổ nhân nói người tu hành khi gặp phiền não khởi chỉ cần dùng chánh tri kiến trị nó, nhưng ở đây thiền sư Thanh Viễn nói chỉ dùng phiền não trị. Thí dụ mình nổi sân phiền não dấy lên, vậy phải làm sao để trị? Không cần lấy cái gì khác trị, chỉ cần tìm xem cái sân, cái phiền não ở đâu, hình dáng ra sao. Ngay đó thấy sân, phiền não không thật. Tìm lại cội nguồn thì nó không có nên tự tan hoại, nghĩa là lấy nó trị nó. Chính thuật này tổ Bồ-đề-đạt-ma đã dùng để an tâm cho tổ Huệ Khả. Không cần đem pháp khác dạy an tâm, chỉ cần quay lại tìm tâm bất an xem nó ở đâu, tìm không thấy thì nó tự an. Đó cũng là yếu thuật chung của nhà thiền.

*Tại sao? Phiền não không thể lại trị phiền não?  
Như lửa không thể tự đốt lửa, nước lại chẳng ướt nước,*

*vì thể tánh đồng một, không thể được hiện bày. Đây rõ vọng tưởng vốn không, chẳng cần trừ dẹp.*

Ngay nơi phiền não biết phiền não là không thật thì còn gì để trừ dẹp. Thí dụ chúng ta đi dưới trời nắng thấy có cái bóng, liền khởi nghĩ làm sao dẹp cái bóng này. Chỉ cần biết bóng không thật, đi vào chỗ mát thì bóng hết, chứ có gì phải dẹp. Cứ chạy ngoài trời kêu la làm sao cho hết cái bóng, như thế có ích gì không? Làm sao hết? Càng chạy la cái bóng càng hiện rõ ràng. Nên biết nó không thật, chỉ cần bước vào trong mát thì nó hết.

Thật ra thuật tu rất đơn giản, đây chính là con đường thẳng tắt đến với đạo, còn gọi là đường chim bay. Không quanh co, không dùng cái này để trị cái kia. Tu còn có đối trị đều là lối quanh co. Tuy thủ thuật thẳng tắt cũng là phương tiện nhưng là đường chim. Như từ Vũng Tàu về Sài Gòn, đi xe, đi máy bay hay đi tàu đều là phương tiện. Song phương tiện xe khác hơn phương tiện tàu, phương tiện tàu khác hơn phương tiện máy bay. Vì vậy thời gian dài ngắn khác nhau.

*Nếu khởi trí đoạn trị, đè bẹp, lại thành dụng tâm khác.* Nếu dùng trí để trị nó, đè nó, dẹp nó tức là dụng tâm khác, thành ra có hai tâm, tâm bị trị và tâm hay trị. Như vậy nơi chúng ta có hai người, mình chưa sống trở về cái chân thật được.

*Có đối đãi là bị hai cảnh lôi quanh, dù có được cũng cong vạy phân hạn.* Đây chính là chỗ khác biệt giữa tinh thần Đại thừa và Nhị thừa. Chỗ cứu cánh của

Nhị thừa là luôn luôn thấy “sinh tử đau khổ, Niết-bàn an vui”, nên phải gấp giải quyết sinh tử để cầu Niết-bàn. Vì vậy nếu có được Niết-bàn, chỉ là Niết-bàn phần hạn, trong kinh Pháp Hoa gọi là Hóa thành chứ chưa phải Bảo sở. Bởi vì nó còn nằm trong đối đãi, mà đối đãi thì đâu có trùm khắp. Chỗ cứu cánh của Đại thừa là trùm khắp không có gì ngoài nó. Cho nên lớn thì trùm khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, nhỏ thì một mũi kim cũng chẳng lọt qua. Đó là chỉ tâm thể không còn đối đãi.

Nếu không hiểu thấu điều này, chúng ta sẽ không thấy được chỗ cao siêu của Đại thừa. Thật ra không phải mình có ý phân biệt giữa hai thừa, hoặc cho rằng Đại thừa có ý xem nhẹ Nhị thừa. Sự thật Phật muốn đưa chúng ta đến chỗ cứu cánh viên mãn, chứ không phải chỉ đưa đến chỗ tạm thời.

*Người tu hành phải đi đường thẳng tắt là trên hết.* Đường thẳng tắt là đường chim, tức là thấy rõ ngay nơi phiền não là không thật thì phiền não hết, chứ không cần tìm cái gì khác.

*Cổ nhân nói: Kiếp hỏa từng đem không hơi thổi, chẳng nhọc công lực liền đó hết. Đó là ý này vậy.* Ý nói khi trái đất đến thời kỳ hoại, kiếp hỏa nổi dậy, khắp quả đất đều cháy ngùn ngụt. Lúc đó ai nấy đều tắt thở, không có gì tồn tại lâu dài. Người tu đường tắt cũng vậy, chẳng nhọc công lực liền đó hết. Nghĩa là cứ thẳng ngay đó mà thấy thì tự nhiên mọi phiền não hết. Cũng như quả đất khi kiếp hỏa nổi dậy, không cần người này giết người kia, chỉ khi không có hơi thổi thì tất cả mọi người ngay lập tức đều chết hết.

Việc tu cũng vậy, nếu ngay nơi phiền não biết thể nó là không, không theo thì tự nhiên nó hết, không cần tốn công, nhọc sức gì. Nếu không biết như thế ắt phải huấn luyện lâu ngày mới được.

**Có khi ngồi tĩnh tọa tâm niệm chạy lăng xăng, hoặc lúc gặp việc hoàn toàn mất hết, đều bởi chưa được thân chứng. Bởi rơi vào hai, vào ba, đến sanh lầm lẫn lẫn lượt mất sạch. Cổ nhân nói: “Động tĩnh chẳng hai, chân vọng chẳng hai.” Ngài Duy-ma nói: “Rõ tất cả pháp đều vào pháp môn bất nhị.” Nếu nhận lãnh yếu chỉ này thì muôn cái động tự tịch diệt. Như mắt không đến sắc, sắc không đến mắt, tiếng chẳng đến tai, tai chẳng đến tiếng, mỗi pháp đều như thế. Nguyên là kho công đức của tự tâm, nên không thể lấy bỏ. Người khế ngộ đến đâu mà chẳng có lợi, đây chính là Na-già đại định.**

Khi ngồi tĩnh tọa tâm niệm chạy lăng xăng hoặc khi làm việc xúc chạm đến gia cảnh, bản thân, công việc của mình, lúc đó đạo lý biến mất vì mắc phiền não, buồn giận. Người bị như vậy là do tất cả đều chưa được thân chứng, thành ra không trị được bệnh. Bởi rơi vào hai, vào ba cho nên mới như vậy. Thí dụ bây giờ chúng ta bị mất một quyền lợi nào chẳng hạn, ngay đêm đó ngủ không được hoặc ngồi thiền tâm không an ổn. Bởi vì đã rơi vào hai, vào ba tức thấy quyền lợi đó là thật nên khi mất, tâm rối lên. Nếu thấy nó không thật, thân này không thật, ngay đó sống trở về với đạo thì đâu có gì làm rối mình. Như vậy từ đây về sau,

nếu mình động tâm, rối loạn lên thì biết bị kẹt vào hai, ba rồi. Đừng kẹt hai, ba thì mọi thứ hết rồi. Đó là sự thật.

*Cổ nhân nói: “Động tĩnh chẳng hai, chân vọng chẳng hai.”* Động và yên lặng đều không phải hai. Bởi vì khi động biết động nguyên thể là không, tức lặng ngay cái động. Khi vọng biết vọng không thật, vọng lặng xuống tức là chân. Như vậy động và lặng đâu có hai, chân vọng nào cách biệt. Trong kinh Duy-ma-cật, ngài Duy-ma nói: “Rõ tất cả pháp đều vào pháp môn bất nhị.” Tức là tất cả pháp ở thế gian đều vào chỗ không hai. Nếu người nào nhận ra lý không hai đó thì mọi thứ động tự tịch diệt.

*Như mắt không đến sắc, sắc không đến mắt, tiếng chẳng đến tai, tai chẳng đến tiếng, mỗi pháp đều như thế.* Thí dụ tôi có mắt sáng, tất cả đồ đạc và mọi người ngồi trước mặt, dù tôi không muốn thấy cũng vẫn thấy. Tai tôi còn thính nên những tiếng động chung quanh dù không muốn nghe vẫn nghe. Tại sao nói mắt không đến với sắc, tiếng không đến với tai? Tuy mắt vẫn thấy sắc mà không có niệm phân biệt về sắc, gọi là không đến nhau. Tai với tiếng vẫn chạm nhau mà không có niệm phân biệt về tiếng, gọi là không đến nhau. Đến mà không duyên, không mắc gọi là không đến. Như vậy cả ngày thấy sắc, nghe tiếng mà tâm không động thì tâm cảnh như như, muôn cái động tự tịch diệt.

*Nguyên là kho công đức của tự tâm, nên không thể lấy bỏ, nghĩa là tâm không duyên theo sắc theo tiếng*

thì sắc là kho công đức, tiếng cũng là kho công đức. Khi chúng ta khế ngộ được như vậy rồi thì ở đâu cũng trong Na-già đại định.

**Đời này sanh ra liền tự nhận là người học đạo, vì đời trước từng gieo trồng căn lành, bởi có cội gốc liền biết phát tâm, cũng biết khởi nghi, ngay nơi mình mà tâm cứu, lại phiền não chướng mỏng yếu, có nhân duyên, nên người này dễ được hóa độ.**

**Nếu người chưa huân tập tâm này thì chánh tín chẳng sanh, dù có nghe cũng chẳng sanh nghi, chỉ như gió thổi qua tai, khuyên dạy lại sanh tâm sân hận phỉ báng thì có duyên gì mà được hiển bày. Do đó, nên trong ngàn người muôn người chỉ có được một, hai người mà thôi. Nếu người tự hiểu tạo kế sống, thâm thập được đầy đủ thì đời đời từ đây mà đi, lần lượt sáng suốt nhạy bén, lại không thối thất công đức, một đời hơn một đời, vào cảnh giới của chư Phật. Họ thường cùng sự tương ứng, dù sanh trên trời, cõi người cũng chỉ như thế, có đối đầu với ngũ dục, bát phong và tất cả cảnh giới đều cùng lý phù hợp, chẳng đi trong tam đồ, chỉ một vị bình đẳng chánh tri kiến, lại còn việc gì.**

Đoạn này thiên sư Thanh Viên củng cố cho chúng ta thêm vững niềm tin với sự tu.

*Đời này sanh ra liền tự nhận là người học đạo, vì đời trước từng gieo trồng căn lành. Khi chúng ta sanh ra đời, chưa có ai khuyên bảo mà tự phát tâm mộ đạo đi tìm học, đây là đã từng gieo trồng căn lành*

đời trước cho nên ngày nay ra đời mộ đạo, chứ không phải ngẫu nhiên.

Bởi do có cội gốc, có mầm sẵn nên bây giờ gặp duyên liền biết phát tâm, khi phát tâm rồi lại biết khởi nghi. Thí dụ nghe câu nói nào đó không hiểu sanh nghi, do nghi mới tìm cứu. Nhờ phiền não chướng mỏng yếu, khi có nhân duyên người này dễ được hóa độ.

Nếu người chưa huân tập tâm này, tức là chưa có được một ít chủng tử thì chánh tín chẳng sanh, dù nghe đạo cũng chẳng sanh nghi. Nghe người nói mặc người, không nghi ngờ chi, chỉ như gió thổi qua tai. Nghe rồi mất, không nhớ không nghĩ, nếu ai khuyên dạy lại nổi sân hoặc chê bai. Người không có duyên đời trước bây giờ khó giáo hóa. Bởi không giáo hóa được nên họ không có duyên hiển bày tâm thể. Do vậy trong ngàn muôn người chỉ có một hai người nhận được tâm thể, đâu phải ai cũng nhận được, ai cũng có duyên lành. Đó là nói đến người có cơ duyên nhận được tâm thể rất ít.

Người nhận được thì tự tạo kế sống, sống tùy duyên với tâm thể. Trong luận Đại Thừa Khởi Tín gọi là tùy thuận chân như. Thiền sư Nam Tuyền nói từ nhỏ ngài nuôi một con trâu đực, tính thả ở khe Đông sợ e không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương, tính thả ở khe Tây cũng sợ không khỏi phạm nước cỏ của quốc vương, chỉ bằng tùy thời nhận chút ít trợn chẳng thấy được. Như vậy gọi là biết kế sống, biết nuôi trâu. Con trâu này biết trở về với tâm thể của mình.

*Thâu thập được đầy đủ thì đời đời từ đây mà đi, lần lượt sáng suốt nhạy bén, lại không thối thất công đức, một đời hơn một đời, vào cảnh giới của chư Phật. Họ thường cùng sự tương ứng, dù sanh trên trời, cõi người cũng chỉ như thế, có đối đầu với ngũ dục, bát phong và tất cả cảnh giới đều cùng lý phù hợp, chẳng đi trong tam đồ, chỉ một vị bình đẳng chánh tri kiến, lại còn việc gì.*

Từ chỗ thấy đạo mà đi, lần lượt mỗi đời mỗi đời đều tiến lên. Nếu người thật tình nhận được như vậy, đời này chưa xong nhiều đời sau tiến lên cho đến ngày viên mãn, không bị tiêu mất. Đó là sự thật.

Gặp bất cứ việc gì người ấy cũng sống phù hợp với đạo. Dù ở trong cảnh sang cả sung sướng như cõi trời hay cực khổ như cõi người, họ đều sống hợp với đạo. Hoặc gặp bát phong, ngũ dục đều sống phù hợp với tâm thể, không trái và không rơi trong tam đồ, hằng sống bằng chánh tri kiến bình đẳng.

Người tu chúng ta phải gan dạ thấy rõ việc đó, tin chắc việc đó, hằng sống trong đó, đừng bị những lý luận hay lời xuyên tạc làm lung lay. Như một số vị lý luận rằng người tu thiên đời này chưa xong, chết đi đời sau trở lại mê muội thành phàm tục, còn người tu niệm Phật về Tây phương, đời này tu chưa xong đời sau tu tiếp. Đó là lối lý luận đánh bạt tâm chánh tín của chúng ta, phải chín chắn nhận rõ. Phật nói nhân quả rõ ràng, đây là căn bản thấp nhất mà còn không sai, huống là chúng ta đang sống trong trí tuệ chân thật, làm sao lại bị mất, như vậy quá vô lý.

Thí dụ người học sinh ngữ Pháp hoặc Anh, bỏ qua mười năm, hai mươi năm không nói, không dùng thì quên là phải. Nếu người học chuyên một môn sinh ngữ, năm nào tháng nào cũng nói thì càng ngày càng giỏi thêm chứ không thể lu mờ. Người bị lu mờ vì bỏ qua mười năm, hai mươi năm nhưng khi được nhắc lại vẫn còn nhớ. Cũng vậy, chúng ta có chủng tử nên mới gặp đạo và tu đạo. Thật là vô lý khi nói tu đến chết, nếu chưa viên mãn thì chủng tử đó mất luôn.

Hiện tại chúng ta tu hành, biết tạo kế sống tức là biết sống với tâm thể, thì ngay trong đời này và mãi về sau càng ngày càng sáng suốt, bén nhạy, công đức không bao giờ thối thất. Nếu đời này chưa viên mãn thì đời sau sẽ tròn đủ hơn, đời đời sống trong cảnh giới chư Phật. Giả sử người đó không sanh cõi này mà sanh cõi trời, gặp việc gì cũng phù hợp, tương ứng với đạo chứ không phải đợi gặp thiện tri thức mới tương ứng. Điều đó rất rõ ràng. Thực tế hiện nay nhiều người ra đời không gặp Phật pháp mà vẫn nói đúng lý đạo, như vậy còn gì phải nghi ngờ.

**Sanh tử không thể chẳng sợ, phải rõ một đoạn tình nguy sanh tử này mới được an lạc không gì hơn. Thân tâm là mối lụy. Thân như gông cùm, phải biết chỗ thân đi đến. Tâm như khỉ vượn, phải biết chỗ tâm khởi diệt. Hai cái này từ chỗ nào mà đến đi khởi diệt? Ất thân tâm tròn sáng, trong ngoài nhất như mà thôi. Và lại, tâm là ở trong thì thân ở ngoài, thân là trong thì vật là ngoài. Quốc sư bảo:**

**“Thân tâm nhất như ngoài thân không thừa.” Thế thì không thấy có sanh tử chống lại ý mình, nên gọi là đại đạo giải thoát. Cho nên hay khiến người thấy nghe đâu chẳng được chẳng thoát, ý tưởng đâu chẳng được chẳng dứt, vật cảnh đâu chẳng được chẳng dung thông, lại còn nghi ngờ ư?**

Thiền sư Thanh Viễn có ý khuyên răn, khuyến khích chúng ta trong sự tu hành. Người tu đối với việc sanh tử lúc nào cũng thấy đáng ngại đáng sợ vì cuộc sống quá mỏng manh. Nếu không cố gắng, một đời cũng chưa giải quyết được việc gì. Cho nên phải rõ một đoạn tình nguyện sanh tử này mới được an lạc không gì hơn. Tình nguyện sanh tử tức là tâm sanh tử hư giả. Thường chúng ta cho sanh tử là thật nhưng với người thấy đạo, sanh tử chỉ là giả dối không thật không hai, vì thế thân tâm tự nhiên an lạc.

Bình thường ai cũng thấy sanh là sống, tử là chết, thành ra nói sanh tử không phải hai, nhiều người thắc mắc. Sanh là tứ đại ngũ uẩn hòa hợp, tử là tứ đại ngũ uẩn tan rã, vậy sanh tử chỉ là sự hợp tan của tứ đại ngũ uẩn. Nếu không nhắc nhở điều này thường xuyên, lâu lâu chúng ta sẽ quên mất. Như hỏi tứ đại này có thật là mình không, đa số mọi người đều nói thật. Vậy thì ngay nơi gió, nước, không khí chúng ta hít vào thở ra cũng là mình chứ gì? Hít vào cho nó là hơi thở của mình nhưng khi thở ra khỏi mũi, tan loãng trong không khí thì biết là của ai. Thí dụ mười người ngồi chung trong một phòng kín bốn thước vuông, khi người kia thở ra,

người này hít vào, đổi qua đổi lại. Như vậy hơi thở ra của ai, hơi hít vào của ai? Vậy mà chúng ta lại chấp hít vào là hơi thở của mình.

Nước cũng vậy, khi nó ở trong người cho là của mình, nó ra khỏi người, mình có dùng được không? Vậy mà nó còn ở trong thân thì quý như vàng, ra khỏi thân thì gớm ghê, nhàm chán. Hoặc máu ở trong thân cho là của mình nên quý tiếc, lỡ đứt tay máu chảy ra, có ai dám lấy chung hứng uống trở lại không? Nước còn ở ngoài thì đâu phải là của mình, vậy mà uống vào rồi thì nói nước của tôi, thật vô lý. Lúc trước không phải của mình, bây giờ tại sao nói của mình?

Tứ đại đi vào cơ thể rồi đi ra, vậy mà chấp ngang là của mình, cho là thật. Nó hợp thì mình còn, nó tan thì mình mất. Thật sự tứ đại có mất không? Khi chưa hợp tứ đại là tứ đại, khi tan ra tứ đại vẫn là tứ đại, đâu có mất. Tứ đại sống chết là tính chất hư ngụy. Nếu biết sống chết chỉ là sự hợp tan của tứ đại, không liên hệ đến mình thì đâu có gì phải sợ. Nhận rõ điều đó chúng ta mới thấy an lạc, giải quyết được sự đau khổ ngay ở cõi nhân gian này.

*Thân như gông cùm, phải biết chỗ thân đi đến.  
Tâm như khỉ vượn, phải biết chỗ tâm khởi diệt.* Nếu bình thường đang khỏe mạnh, sung sướng chắc là không ai tin thân này như gông cùm. Giây phút nào đó chúng ta sống được với tâm thể rõ ràng, mới thấy thân là gông cùm. Thí dụ những lúc nhức răng hay đau đầu, chúng ta thấy tâm mình không nhức không đau, nhưng mang

thân này rồi phải chịu nhức chịu đau. Biết chắc thân này là gông cùm, nếu ngay đây nó rã ra thì tràn trề sung sướng. Ngược lại, nếu thấy thân là nguồn hạnh phúc, khi bỏ nó quả thật là đau.

Các thiền sư thường dạy “tử như cởi áo hạ”, đang nức quá cởi áo ra mát rượi, khỏe khoắn biết bao. Như đem quyển kinh bằng tam thiên đại thiên thế giới nhét vào hạt bụi rồi phải chịu khổ với hạt bụi. Giờ đây hạt bụi rã ra thì tràn đầy cả tam thiên đại thiên thế giới. Nếu ai thấy được điều đó thì chết là trò chơi, gõ nhịp mà hát, không có gì phải than phiền. Nếu không thấy như vậy, nghe nói chết thì buồn rầu, khổ sở. Chết là điều đáng sợ nhất trên thế gian, nếu không còn sợ chết thì thế gian này có gì đáng sợ.

Biết thân tâm là mối lụy, thân như gông cùm ắt phải biết chỗ đi, chỗ đến của nó. Nghĩa là khi sanh biết tứ đại ngũ uẩn duyên hợp, khi tử biết tứ đại ngũ uẩn tan rã. Biết chỗ khởi diệt của tâm tức là phải thấy rõ vọng tưởng như khởi vượn, chợt khởi chợt diệt, vốn không thật thì tự nó lặng yên. Như vậy, khi biết rõ vọng tưởng không thật, biết thân sanh diệt không còn nghi không còn kẹt thì thân tâm tròn sáng, trong ngoài nhất như, không còn gì bận rộn.

Trái lại, nếu chúng ta cho tâm ở trong thân ở ngoài, hoặc cho thân ở trong vật ở ngoài thì có hai lớp trong ngoài đối đãi nhau nên cũng là bệnh. Thấy ngoài thân có vật chúng ta khởi phân biệt, dấy niệm là sai.

Đến đây thiền sư Thanh Viễn dẫn lời Quốc sư: “Thân tâm nhất như, ngoài thân không thừa.” Thường chúng ta hay hiểu lầm câu *thân tâm nhất như* là khi ngồi thiền phải để thân tâm thành một khối. Ở đây chỉ cho khi vọng niệm khởi lên, biết không thật thì nó tự tan, tự lặng lẽ, đối với tất cả sự vật hiện hữu mà chúng ta không khởi tâm phân biệt thì thân tâm nhất như. Trong bài luận Tín Tâm Minh, tổ Tăng Xán dạy:

*Nhãn nhược bất thù,  
Chư mộng tự trừ.  
Tâm nhược bất dị,  
Vạn pháp nhất như.*

Nghĩa là con mắt nếu không ngủ thì các mộng tự dứt. Tâm nếu chẳng khác thì muôn pháp nhất như. Thật rõ ràng.

*Thế thì không thấy có sanh tử chống lại ý mình, nên gọi là đại đạo giải thoát.* Sanh tử chỉ là sự tan hợp giả dối của tứ đại, cho nên người đạt đạo không thấy có sanh tử. Không thích sanh tử cũng không sợ sanh tử, do đó sanh tử đâu chống lại ý mình. Cho nên khiến người thấy nghe thoát khỏi thấy nghe, dứt bật ý tưởng, vật cảnh dung thông, lại còn có gì nghi ngờ ư!

